



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 11
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 13
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	16 - 69

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của PVN và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc PVN đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Sỹ Thanh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Thành viên
Ông Phạm Xuân Cảnh	Thành viên
Ông Phan Đình Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2017)
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ninh Văn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (tạm đình chỉ công tác kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

18 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc PVN có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng PVN đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2018

Số: *MSB* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 5 năm 2018, từ trang 08 đến trang 69 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc PVN chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Như trình bày tại các Thuyết minh số 1, số 8, số 13 và số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC), Tập đoàn đang tạm ghi nhận giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các dự án được bàn giao từ SBIC với số tiền là 695.348 triệu VND đồng thời ghi nhận phải trả SBIC với số tiền tương ứng trên tài khoản phải trả khác. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, PVN chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC liên quan đến việc bàn giao các dự án trên là 720.297 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 720.297 triệu VND) và phản ánh trên khoản mục phải thu khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - công ty được bàn giao từ SBIC, được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn với tổng tài sản và giá trị tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 5.983.387 triệu VND và âm (1.146.771) triệu VND. Tại ngày báo cáo này, chưa có quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản, công nợ của các dự án/công ty nhận bàn giao từ SBIC và số tiền PVN phải thanh toán cho SBIC. Đồng thời, như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, PVN đang xây dựng phương án xử lý các tồn tại, yếu kém tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất (công ty con được bàn giao từ SBIC). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin tài chính có liên quan đến các vấn đề nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank - Công ty con của PVN) với tổng tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 116.582.532 triệu VND, nợ phải trả là 106.519.263 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 114.082.903 triệu VND và 104.040.826 triệu VND), doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 3.064.731 triệu VND, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 36.809 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016 lần lượt là 2.449.590 triệu VND và 35.812 triệu VND). Báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét đề ngày 08 tháng 11 năm 2017 đưa ra kết luận ngoại trừ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thông tin tài chính thích hợp của PVcomBank được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày lập báo cáo này, khoản đầu tư của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP - Công ty con của PVN) vào Công ty Liên doanh Petromacareo (Venezuela) và khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai để được tham gia đầu tư khai thác tại Lô Junin 2 (Venezuela) đang được ghi nhận theo giá gốc với tổng số tiền là 10.753.152 triệu VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư này với số tiền là 418.780 triệu VND đã được trích lập theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Petromacareo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán và soát xét cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Liên doanh Petromacareo để đánh giá khả năng thu hồi và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phương án xử lý đối với khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính thích hợp về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, PVEP đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" các chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 10.760.811 triệu VND. Theo thông báo của Nhà điều hành Lô 67 Peru, Dự án Lô 67 Peru đã tạm dừng khai thác vì điều kiện bất khả kháng kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVN và PVEP đang làm việc với các nhà thầu và các cơ quan có thẩm quyền để xác định phương án xử lý vấn đề nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin tài chính thích hợp để đánh giá khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các khoản chi phí trả trước dài hạn này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất do Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - Công ty con của PVN)) làm chủ đầu tư và Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ do Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con của PVN) làm chủ đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc BSR-BF và PVTex đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các kết luận và kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính thích hợp về các điều chỉnh của các Công ty này liên quan đến kết luận của Thanh tra Chính phủ và giá trị quyết toán Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất và Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con của PVN) nhỏ hơn công nợ ngắn hạn là 1.827.996 triệu VND; lỗ lũy kế là 3.696.502 triệu VND và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản là 5.829.538 triệu VND và nợ phải trả là 7.266.877 triệu VND, trong đó số dư khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tập đoàn bảo lãnh với số dư gốc vay là 5.024.015 triệu VND. Số dư các khoản vay và nợ đã quá hạn, chưa được thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.211.092 triệu VND. Ngoài ra, tổng các khoản phải trả đang có tranh chấp với Công ty TNHH Hyundai Engineering và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ là 251.348 triệu VND. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính thích hợp về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex trong vòng ít nhất 12 tháng sắp tới. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết để đánh giá việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ với giả định PVTex sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Kết luận ngoại trừ

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét với kết luận ngoại trừ về dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị là 1.764 tỷ VND và trích trước chi phí sửa chữa lớn với số tiền là 450 tỷ VND tại Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR - Công ty con của PVN). Do đó, một số số liệu kỳ trước của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu kỳ này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - PVC - Công ty con của PVN) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - công ty con của PVN) với tổng tài sản là 620.821 triệu VND, nợ phải trả là 566.055 triệu VND, tổng lỗ kế toán sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.579 triệu VND. Theo báo cáo tài chính chưa được soát xét do PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 337.628 triệu VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là 197.026 triệu VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. PVC chưa đánh giá được khả năng thanh toán nợ đến hạn của PVC-Land cũng như giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong năm 2015, tổ máy số 1 và tổ máy số 2 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào vận hành thương mại và đã được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, PVN đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500kV cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán, đồng thời, các thủ tục để bàn giao Sân phân phối 500 kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng chưa hoàn thành. Theo đó, giá trị bàn giao của các tài sản và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên có thể thay đổi khi dự án được quyết toán và bàn giao chính thức.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn và PVEP đã đánh giá các chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí không hiệu quả trong năm 2014 với số tiền là 5.633.497 triệu VND và đã gửi công văn xin ý kiến chỉ đạo phê duyệt tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phê duyệt chính thức về phương án phân bổ chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí của các dự án không hiệu quả trên.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, PVEP đang trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt Báo cáo kết thúc dự án thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 – Malaysia trong đó bao gồm khoản chi phí phải trả liên quan đến các nghĩa vụ/trách nhiệm mà PVEP phải thực hiện khi dừng tham gia Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia với tổng số tiền là 761.954 triệu VND đang được phản ánh tại khoản mục “Chi phí phải trả ngắn hạn” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Chi phí thực hiện các nghĩa vụ/trách nhiệm chưa hoàn thành này sẽ được xác định chính thức khi có quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và các cấp có thẩm quyền.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, PVC có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn. PVC đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, PVC đã đánh giá phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và các thỏa thuận với bên cho vay của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (“PVC-SG”) và quyết định hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền là 99.912 triệu VND.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chi phí thăm dò tìm kiếm dầu khí tại dự án 39 Peru lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.571.296 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ các cơ quan chức năng về báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

8. Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngày 26 tháng 5 năm 2017, Hội đồng Thành viên PVEP đã phê duyệt phân bổ chi phí các dự án không thành công, không hiệu quả năm 2016. Theo đó, PVEP đã ghi nhận vào giá vốn hoạt động dầu khí trong năm 2016 với giá trị là 8.694.961 triệu VND bao gồm giá trị chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ và 90% chi phí thăm dò, chi phí phát triển của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marine XI Congo. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP đang tiếp tục làm việc với các nhà thầu dầu khí, các cơ quan chức năng và các đối tác về giá trị bồi thường hợp đồng, chi phí quyết toán dự án... liên quan tới việc dừng các dự án nêu trên và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu đáng tin cậy, phù hợp.
9. Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Hội đồng Thành viên PVEP đã phê duyệt việc ghi nhận khoản đền bù FPSO và Quỹ thu dọn mỏ Lô 01/97 & 02/97 vào kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017. Theo đó, do chấm dứt sớm Hợp đồng đầu khí Lô 01/97 & 02/97 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí đền bù FPSO với số tiền ước tính là 58,8 triệu USD (tương đương 1.335.378 triệu VND) và phí thu dọn mỏ phải trả với số tiền ước tính là 21,2 triệu USD (tương đương 481.640 triệu VND) được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của PVEP cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác để quyết toán khoản đền bù FPSO và Quỹ thu dọn mỏ Lô 01/97 & 02/97.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 5 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		298.695.307	307.941.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	78.539.538	77.730.205
1. Tiền	111		24.213.631	21.766.969
2. Các khoản tương đương tiền	112		54.325.907	55.963.236
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	102.462.614	97.606.682
1. Chứng khoán kinh doanh	121		312.959	3.607.547
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(133.576)	(223.384)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		102.283.231	94.222.519
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.032.152	99.467.619
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.970.210	41.746.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.350.044	11.564.455
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		544.074	361.448
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	20.292.946	21.877.395
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	34.039.521	29.081.146
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.186.493)	(5.183.532)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		21.850	20.407
IV. Hàng tồn kho	140	10	19.444.885	20.934.889
1. Hàng tồn kho	141		19.934.359	21.432.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(489.474)	(497.958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.216.118	12.202.158
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		895.796	977.785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.250.564	2.731.500
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	299.736	595.464
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	17	5.770.022	7.897.409

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		469.713.251	462.081.688
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		52.782.635	43.295.205
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		301.071	305.055
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		126.879	133.190
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	43.700.086	34.292.871
4. Phải thu dài hạn khác	216	8	8.703.162	8.599.430
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(48.563)	(35.341)
II. Tài sản cố định	220		144.340.204	150.931.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	140.073.332	146.340.500
- Nguyên giá	222		249.673.578	249.115.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.600.246)	(102.775.403)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		86.557	99.883
- Nguyên giá	225		157.625	158.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(71.068)	(58.664)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.180.315	4.490.903
- Nguyên giá	228		5.596.722	5.881.745
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.416.407)	(1.390.842)
III. Bất động sản đầu tư	230		747.886	2.615.308
- Nguyên giá	231		897.783	2.842.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(149.897)	(227.212)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.008.641	47.973.931
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		70.584	71.693
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	56.938.057	47.902.238
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		46.159.648	44.541.080
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	17.992.776	15.355.472
2. Góp vốn liên doanh	252	5	20.522.805	20.196.449
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	2.185.338	2.579.792
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(854.287)	(1.153.200)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	6.313.016	7.562.567
VI. Tài sản dài hạn khác	260		168.674.237	172.724.878
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	104.064.354	109.560.195
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	251.272	276.285
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.048.076	989.082
4. Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí		15	38.326.219	37.308.168
5. Chi phí phát triển mỏ		16	11.207.209	10.980.050
6. Tài sản dài hạn khác	268	17	12.988.309	12.669.046
7. Lợi thế thương mại	269		788.798	942.052
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		768.408.558	770.023.241

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		333.478.220	338.573.779
I. Nợ ngắn hạn	310		176.831.763	175.260.647
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	20.121.655	20.858.708
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.077.623	4.237.375
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	9.719.796	11.167.889
4. Phải trả người lao động	314		1.476.240	2.172.144
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	20.396.925	16.264.697
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		219.029	219.847
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		200.045	71.296
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	15.453.360	13.978.829
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	99.846.465	95.178.601
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	3.532.311	9.638.547
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.482.667	1.414.386
12. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	323		305.647	58.328
II. Nợ dài hạn	330		156.646.457	163.313.132
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	951	951
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		128.361	35.068
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	495.625	488.466
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.089.317	1.442.554
5. Phải trả dài hạn khác	337	21	44.997.382	43.848.018
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	87.817.384	94.688.804
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	33	14.545.014	15.681.679
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	3.575.166	3.183.843
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		3.997.257	3.943.749

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		434.930.338	431.449.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	434.450.987	430.964.954
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		281.500.000	281.500.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.974.975	12.014.866
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		113	113
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(4.935.269)	(4.805.952)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.622.107	67.681.828
6. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		2.584.145	2.584.069
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		23.735.671	23.800.447
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.150.109	9.245.998
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.094.869	3.631.370
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.055.240	5.614.628
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		607.117	607.117
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		34.212.019	38.336.468
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		479.351	484.508
1. Nguồn kinh phí	431		147.218	141.725
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		332.133	342.783
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		768.408.558	770.023.241



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 5 năm 2018

Lương Quốc Dân
Phó trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán thực hiện nhiệm
vụ kế toán trưởng

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	127.424.045	108.484.890
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	303.117	2.205.483
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	127.120.928	106.279.407
4. Giá vốn hàng bán	11	26	103.904.975	89.551.508
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	26	23.215.953	16.727.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.571.429	9.757.637
7. Chi phí tài chính	22	28	5.054.944	5.268.062
8. Phần lãi thuần trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.098.135	1.132.552
9. Chi phí bán hàng	25	29	2.923.262	2.611.646
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	4.117.510	3.999.428
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		21.789.801	15.738.952
12. Thu nhập khác	31	30	393.323	931.472
13. Chi phí khác	32	31	473.457	832.618
14. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(80.134)	98.854
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.709.667	15.837.806
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	5.689.756	5.434.513
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(1.119.360)	(865.289)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.139.271	11.268.582
<i>Phân phối cho:</i>				
Công ty mẹ Tập đoàn	61		16.077.199	9.671.295
Cổ đông không kiểm soát	62		1.062.072	1.597.287

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018



Lương Quốc Dân
Phó trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán thực hiện nhiệm
vụ kế toán trưởng



Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.709.667	15.837.806
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.101.521	7.625.271
- Phân bổ chi phí thăm dò và phát triển dầu khí		6.783.073	7.344.547
- Các khoản dự phòng	03	(6.103.151)	4.891.531
- (Lãi) thanh lý tài sản cố định		(149.291)	(43.388)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	158.514	1.217.641
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.449.099)	(4.746.376)
- Chi phí lãi vay	06	2.376.295	2.443.318
- Ghi giảm chi phí thăm dò theo phê duyệt quyết toán		-	501.752
- (Lãi) tiền đầu		(1.588.271)	(1.684.393)
- Các khoản điều chỉnh khác	07	75.665	52.159
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.914.923	33.439.868
Thay đổi các khoản phải thu	09	17.528.543	(7.571.685)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.440.603	160.389
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	294.167	(6.757.491)
Thay đổi chi phí trả trước	12	444.544	1.098.852
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	3.294.588	3.915.543
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.198.240)	(2.469.138)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.809.605)	(4.683.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	184.208	9.720
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.511)	(163.947)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.067.220	16.979.023
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.755.938)	(7.987.093)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	577.659	78.201
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.117.207)	(17.452.609)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.045.015	8.884.994
5. Thay đổi các khoản đầu tư		(1.720.992)	(7.372.563)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.368.436	4.049.880
7. Đầu tư thăm dò và phát triển dầu khí		(2.279.758)	(4.113.180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.882.785)	(23.912.370)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà, tiền đọc tài liệu để lại		1.363.933	1.290.066
2. Ngân sách Nhà nước cấp vốn	31	-	8.226
3. Tiền thu từ đi vay	33	21.562.974	31.214.820
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.668.505)	(24.801.202)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(15.912)	(47.569)
6. Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	36	(6.617.592)	(5.706.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.375.102)	1.957.841
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	809.333	(4.975.506)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	77.730.205	102.085.718
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	78.539.538	97.110.212



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 5 năm 2018

Lương Quốc Dân
Phó trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán thực hiện nhiệm
vụ kế toán trưởng

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên theo Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là công ty Nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 18 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg chuyển đổi Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 7 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tập đoàn bao gồm:

- Nghiên cứu, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ dầu khí, khí hòa tan, làm dịch vụ về dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Kinh doanh dịch vụ khai thác dầu thô, khí, các sản phẩm dầu, khí và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu khí ở trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị dầu khí, sản phẩm dầu khí, hóa dầu;
- Kinh doanh phân phối các sản phẩm dầu, khí, các nguyên liệu hóa phẩm dầu, khí;
- Khảo sát, thiết kế, xây dựng, khai thác, sửa chữa các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình, phương tiện phục vụ dầu khí, dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, sản xuất, chế biến, kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Đầu tư, sản xuất kinh doanh điện và phân bón;
- Đầu tư khai thác than và các loại khoáng sản tại nước ngoài, ký kết hợp đồng nhập khẩu, cung ứng than; hợp tác khai thác và kinh doanh than trong nước, vận chuyển và tàng trữ than;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo.

Các ngành, nghề, hoạt động có liên quan đến ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính bao gồm:

- Hoạt động tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm;
- Đào tạo, cung ứng nhân lực dầu khí, xuất khẩu lao động;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch, văn phòng giao dịch;
- Triển khai, phát triển các dự án năng lượng sạch, "cơ chế phát triển sạch (CDM)";
- Đầu tư, khai thác phát triển cảng, kinh doanh vận tải biển, vận tải đường thủy, đường không và đường bộ, đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:

- Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam;
- Trường Cao đẳng nghề Dầu khí;
- Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;
- Viện Dầu khí Việt Nam;
- Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất;
- Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Ban quản lý Dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí;
- Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú I;
- Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu I;
- Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông;
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty điều hành Đường ống Tây Nam
- Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

<u>Công ty</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Việt Nam	100,00%	100,00%	Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	Việt Nam	100,00%	100,00%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Việt Nam	100,00%	100,00%	Kinh doanh và chế biến xăng dầu
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	(i) Việt Nam	100,00%	100,00%	Đóng tàu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Việt Nam	95,76%	95,79%	Chế biến, kinh doanh và vận chuyển khí
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	(ii) Việt Nam	89,49%	99,99%	Hóa dầu và xơ sợi
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Việt Nam	80,83%	85,69%	Sản xuất và kinh doanh phân đạm
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Việt Nam	59,58%	59,59%	Sản xuất và kinh doanh phân đạm
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Việt Nam	54,70%	58,12%	Vận tải
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	54,47%	54,47%	Xây dựng
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	53,16%	54,81%	Dịch vụ kỹ thuật, xây dựng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	(iii) Việt Nam	52,00%	52,04%	Ngân hàng
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Việt Nam	50,56%	50,79%	Dịch vụ khoan
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần	(iv) Việt Nam	41,44%	42,20%	Giám định thương mại, giám định hàng hóa, sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	(iv) Việt Nam	36,00%	36,00%	Cung cấp hóa chất, hóa phẩm và dịch vụ dung dịch khoan



- (i) Trên cơ sở Quyết định số 926/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC), Tập đoàn đã hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất - công ty được bàn giao từ SBIC. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng tài sản và giá trị tài sản thuần của công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn là 5.983.387 triệu VND và âm (1.146.771) triệu VND (tại ngày nhận bàn giao 01 tháng 7 năm 2010 là 6.996.605 triệu VND và âm (1.044.543) triệu VND).

Tại ngày báo cáo này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và số tiền PVN phải thanh toán cho SBIC. Giá trị này có thể thay đổi khi có quyết định phê duyệt chính thức từ cơ quan có thẩm quyền về giá trị của công ty nhận bàn giao.

- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex) có tài sản ngắn hạn của nhỏ hơn công nợ ngắn hạn là 1.827.996 triệu VND; lỗ lũy kế là 3.696.502 triệu VND và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, tổng tài sản là 5.829.538 triệu VND và nợ phải trả là 7.266.877 triệu VND, trong đó số dư khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được Tập đoàn bảo lãnh với số dư gốc vay là 5.024.015 triệu VND. Số dư các khoản vay và nợ đã quá hạn, chưa được thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.211.092 triệu VND. Ngoài ra, tổng các khoản phải trả đang có tranh chấp với Công ty TNHH Hyundai Engineering và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ là 251.348 triệu VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ vẫn đang tạm dừng hoạt động. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của PVTex. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không bao gồm những điều chỉnh có thể có liên quan tới vấn đề không chắc chắn này.
- (iii) Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) với tổng tài sản là 116.582.532 triệu VND, nợ phải trả là 106.519.263 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 114.082.903 triệu VND và 104.040.826 triệu VND, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là 3.064.731 triệu VND, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 36.809 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016 lần lượt là 2.449.590 triệu VND và 35.812 triệu VND) đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét để ngày 08 tháng 11 năm 2017 đưa ra kết luận ngoại trừ.
- (iv) Tập đoàn chỉ nắm giữ dưới 50% tỷ lệ biểu quyết tại Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC) và Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVMR). Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá Tập đoàn có quyền kiểm soát các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp cũng như có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với hầu hết các thành viên chủ chốt của Ban Tổng Giám đốc của các công ty này. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát lâu dài đối với DMC và PVMR, do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của các công ty con này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh	Việt Nam	52,96%	35,05%	Truyền thông
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Việt Nam	47,79%	47,79%	Sản xuất, chế biến nông sản xuất
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	Việt Nam	44,79%	44,94%	Xăng dầu
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Việt Nam	44,07%	44,07%	Khai thác các dự án thủy điện
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quảng Trị	Việt Nam	44,99%	45,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương xanh	Việt Nam	41,14%	33,24%	Dịch vụ khai khoáng, viễn thông
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí	Việt Nam	39,76%	39,76%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt	Việt Nam	35,00%	35,00%	Dịch vụ tài chính, ủy thác, quản lý
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Việt Nam	34,00%	35,51%	Phân phối khí
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Việt Nam	30,72%	30,72%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Mê Kông	Việt Nam	32,86%	34,96%	Vận tải
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	Việt Nam	31,91%	31,91%	Thủy điện
Công ty Cổ phần kho vận Petec	Việt Nam	31,18%	39,21%	Vận chuyển và lưu kho tài liệu
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	Việt Nam	30,12%	25,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Việt Nam	29,90%	31,54%	Thương mại
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim	Việt Nam	29,00%	29,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Việt Nam	27,23%	50,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Việt Nam	11,84%	27,08%	Kinh doanh bê tông
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Việt Nam	26,29%	48,27%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Phú Yên	Việt Nam	26,18%	39,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Việt Nam	25,82%	43,34%	Sản xuất bao bì
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	(v) Việt Nam	25,10%	25,10%	Lọc hóa dầu
Công ty TNHH Fairfield Việt Nam	Việt Nam	25,00%	25,00%	Xử lý địa chấn
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	Việt Nam	24,26%	24,79%	Thương mại
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Việt Nam	24,22%	24,22%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Việt Nam	23,97%	44,00%	Thiết kế
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	Việt Nam	23,24%	26,00%	Dịch vụ
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Việt Nam	21,79%	40,00%	Thi công cơ giới
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Việt Nam	20,26%	20,26%	Thương mại, vận tải, kho bãi
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Việt Nam	19,61%	36,00%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Việt Nam	19,52%	35,83%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc	Việt Nam	17,84%	34,58%	Cung cấp máy, thiết bị
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng chất DMC	Việt Nam	15,59%	30,00%	Khai thác, chế biến khoáng sản
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	15,29%	28,75%	Chế tạo và sửa chữa giàn khoan
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Việt Nam	13,47%	24,72%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Việt Nam	13,56%	24,90%	Xây lắp, bất động sản
Công ty Cổ phần Công nghệ Điện năng PV EIC - TAGI	Việt Nam	11,89%	100,00%	Giải pháp công nghệ
Công ty Cổ phần Điện và Tự động hóa Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	11,89%	29,00%	Công nghệ, tự động hóa
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	11,41%	36,00%	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Việt Nam	12,38%	22,63%	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Năng	Việt Nam	6,06%	60,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần CNTT, Viễn thông và Tự động hóa dầu khí	Việt Nam	11,13%	20,40%	Công nghệ thông tin, viễn thông
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Việt Nam	29,00%	29,00%	Thiết kế & Dịch vụ tư vấn
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	Việt Nam	38,89%	38,89%	Dịch vụ cảng biển
Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang	Việt Nam	33,96%	33,96%	Thương mại
Công ty Cổ phần PVI	(vi) Việt Nam	37,05%	41,47%	Bảo hiểm và đầu tư tài chính

- (v) Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Nghi Sơn”) là liên doanh giữa PVN và Idemitsu International (Asia) Pte. Ltd., Kuwait Petroleum Europe B.V. và Mitsui Chemicals, Inc. Nghi Sơn đang trong quá trình đầu tư xây dựng, dự kiến đi vào nghiệm thu sơ bộ vào Quý III năm 2018. Theo Giấy chứng nhận đầu tư và các bản sửa đổi của Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Nghi Sơn là 2.400 triệu USD. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ của Nghi Sơn đã được các chủ sở hữu góp với tổng số tiền là 2.365 triệu USD; trong đó, PVN góp 594 triệu USD, tương đương với 12.669.145 triệu VND.
- (vi) Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc PVN đánh giá Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các chính sách tài chính, hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với hầu hết các thành viên chủ chốt của Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần PVI. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại lại là khoản đầu tư vào công ty liên kết và được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn liên doanh của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Công ty	Địa điểm	Tỷ lệ	
		vốn góp	Hoạt động chính
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	(vii) Việt Nam	51,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty Liên doanh Rusvietpetro	(viii) Nga	49,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty TNHH Gazpromviet	(ix) Nga	49,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty Liên doanh Petromacareo	(x) Venezuela	40,00%	Khai thác dầu thô và khí
Công ty TNHH Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby)	Malaysia	31,90%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH Nhiên Liệu Sinh Học Phương Đông	Việt Nam	31,12%	Sản xuất, kinh doanh nhiên liệu sinh học
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	24,97%	Đầu tư, xây dựng kho ngầm
Công ty Liên doanh PTSC AP	Singapore	27,11%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh PTSC SEA	Singapore	27,11%	Kinh doanh tàu FSO
Công ty TNHH Malaysia VietNam Offshore Terminal	Malaysia	26,05%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty TNHH Căn Ống Khoan Dầu Khí Việt Nam	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ ống mềm
Công ty TNHH Liên Doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan
Công ty TNHH Liên Doanh PVD Tech - Oil States Industrial	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ
Công ty TNHH PV Drilling Expro International	Việt Nam	25,79%	Dịch vụ
Công ty TNHH Vietubes	Việt Nam	25,79%	Sản xuất thiết bị dầu khí
Công ty TNHH Liên Doanh Dịch Vụ BJ - PV Drilling	Việt Nam	24,78%	Dịch vụ
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	17,54%	Dịch vụ dầu khí
Công ty Liên doanh Hóa chất LG-VINA	Việt Nam	15,00%	Sản xuất, bán dầu hỏa dẻo DOP
Công ty Liên doanh DMC-VTS	Lào	13,90%	Đầu tư, thăm dò, khai thác khoáng sản Barite
Công ty TNHH Khí nhiên liệu Giao Thông Vận Tải	Việt Nam	27,77%	Kinh doanh khí

- (vii) Theo Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 27 tháng 12 năm 2010, PVN trực tiếp quản lý toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro (Vietsovetro).
- (viii) Công ty Liên doanh Rusvietpetro được đăng ký thành lập tháng 7 năm 2008 tại Nga giữa PVN và Tập đoàn Zarubezhneft với mục tiêu khai thác dầu tại khu tự trị Nhenhetxki ở Liên bang Nga. Công ty Liên doanh Rusvietpetro bắt đầu vận hành thương mại từ ngày 30 tháng 9 năm 2010.
- (ix) Công ty TNHH Gazpromviet được đăng ký thành lập tháng 12 năm 2009 tại Nga giữa PVN và Tập đoàn Gazprom với mục tiêu thăm dò khai thác dầu khí mỏ Nagumanov ở Liên bang Nga. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, công ty chưa đi vào vận hành thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

- (x) Công ty Liên doanh Petromacareo thành lập tại Venezuela giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP - Công ty con của PVN) và Công ty Corporación Venezolana del Petróleo S.A. (CVP) để khai thác và nâng cấp dầu Lô Junin 2, vành đai dầu Orinoco, Cộng hòa Boliva Venezuela theo thỏa thuận ký ngày 01 tháng 7 năm 2010. Thời hạn hoạt động của công ty liên doanh này là 25 năm và có thể gia hạn tối đa thêm 15 năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty Liên doanh Petromacareo (Venezuela) được PVEP đầu tư với tổng số tiền là 1.583.176 triệu VND. PVN đang phản ánh khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp giá gốc do chưa có báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Liên doanh Petromacareo và đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Petromacareo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 418.780 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Liên doanh Petromacareo để đánh giá khả năng thu hồi và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để có phương án xử lý đối với khoản đầu tư nêu trên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán, và đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của PVC ký ngày 10 tháng 4 năm 2017, PVC đã xem xét và đánh giá lại nghiệp vụ chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của PVC) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh trong năm 2016. Vấn đề này được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVC. PVC đánh giá rằng cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ nêu trên trong năm 2016 là chưa phù hợp theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, kết hợp với việc nghiệp vụ thoái vốn nêu trên đã hoàn tất trong kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, Ban Tổng Giám đốc PVC xác định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố cụ thể như sau:

	Số đầu kỳ	Điều chỉnh hồi tố	Số đầu kỳ
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
TÀI SẢN			
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.140.297	(393.997)	41.746.300
2. Hàng tồn kho	21.105.402	327.445	21.432.847
NGUỒN VỐN			
1. Phải trả ngắn hạn khác	13.991.872	(13.043)	13.978.829
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.265.269	(19.271)	9.245.998
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	38.370.706	(34.238)	38.336.468

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - PVC - Công ty con)

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land - công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - PVC) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - công ty con của PVN) với tổng tài sản là 620.821 triệu VND, nợ phải trả là 566.055 triệu VND, tổng lỗ kế toán sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 4.579 triệu VND. Theo báo cáo tài chính chưa được soát xét do PVC-Land cung cấp, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 337.628 triệu VND, lỗ lũy kế của PVC-Land là 197.026 triệu VND và các vấn đề khác ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của PVC-Land. PVC chưa đánh giá được khả năng thanh toán nợ đến hạn của PVC-Land cũng như giả định PVC-Land hoạt động liên tục có phù hợp hay không. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến sự kiện không chắc chắn này.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tập đoàn và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đối với khoản góp vốn liên doanh vào Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro (Vietsovetro), khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và tiền lãi dầu, khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Vietsovetro được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính tương tự theo như quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tập đoàn tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn liên quan đến lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tập đoàn có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ hoạt động tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí

Ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí phản ánh các khoản phải thu hoặc phải trả các công ty điều hành trong các hợp đồng dầu khí tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Theo quy định trong các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC) và hợp đồng liên doanh điều hành dầu khí (JOC), hàng tháng căn cứ vào chương trình hoạt động và ngân sách đã được phê duyệt, công ty điều hành chung sẽ yêu cầu các Nhà thầu tham gia hợp đồng ứng trước số tiền dự tính cần chi tiêu cho tháng tiếp theo.

Các tài sản hoặc chi phí hình thành của hợp đồng được ghi nhận vào các khoản mục tài sản và tương ứng ghi giảm khoản ứng trước trong các hợp đồng dầu khí trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí (PVD - Công ty con của PVN) đã thay đổi phương pháp trích khấu hao các giàn khoan (máy móc và thiết bị) từ khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo số giờ hoạt động của giàn khoan. Ban Tổng Giám đốc PVD tin tưởng rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao mới sẽ phản ánh phù hợp tình hình hoạt động của giàn khoan.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50
Máy móc, thiết bị - Giàn khoan	Theo số giờ hoạt động
Máy móc, thiết bị - Khác	3 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 15
Tài sản cố định khác	2 - 25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi/lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Thuê tài sản

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu các điều khoản của hợp đồng thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan tới quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Các trường hợp khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các tài sản cố định vô hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí phản ánh toàn bộ những khoản chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp phát sinh liên quan đến các hoạt động thăm dò, tìm kiếm dầu khí theo từng hợp đồng dầu khí hoặc theo từng diện tích tìm kiếm đối với hoạt động tự tìm kiếm, thăm dò dầu khí.

Nếu hết giai đoạn tìm kiếm thăm dò mà không có phát hiện thương mại trong diện tích tìm kiếm thì Tập đoàn được ghi giảm nguồn kinh phí từ Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí tương ứng với khối lượng công tác tìm kiếm thăm dò của dự án đã được Quỹ thanh toán đối với các dự án cơ bản. Đối với các dự án còn lại, Tập đoàn hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày kết thúc dự án theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Nếu có phát hiện thương mại trong diện tích tìm kiếm và được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển thành dự án phát triển thì toàn bộ chi phí thăm dò trong diện tích tìm kiếm sẽ tiếp tục được tập hợp và theo dõi cho đến khi hoạt động khai thác trong diện tích tìm kiếm bắt đầu. Trong giai đoạn khai thác, chi phí tìm kiếm thăm dò được tập hợp và chuyển sang "Chi phí trả trước dài hạn" và được phân bổ cho sản lượng dự kiến khai thác của đối tượng trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí, nếu không có quy định nào khác của Nhà nước.

Nếu việc tìm kiếm, thăm dò dầu khí được thực hiện như một nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thì chi phí này sẽ được tập hợp và quyết toán với nguồn được cấp theo quy định tài chính hiện hành.

Chi phí phát triển mỏ trong các hợp đồng dầu khí

Chi phí phát triển mỏ là toàn bộ chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động phát triển mỏ trong diện tích phát triển và hệ thống bao tiêu, xử lý và/hoặc vận chuyển. Chi phí phát triển mỏ trong các hợp đồng dầu khí được theo dõi chi tiết theo từng hợp đồng dầu khí. Chi phí phát triển mỏ sẽ được chuyển sang "Chi phí trả trước dài hạn" và được phân bổ vào giá thành khai thác dầu khí theo sản lượng khai thác của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí, phát triển mỏ tại các hợp đồng dầu khí có phát hiện thương mại và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn.

Chi phí trả trước là các khoản chi phí tìm kiếm thăm dò dầu khí và phát triển mỏ nói trên được Tập đoàn phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ giữa sản lượng khai thác thực tế hàng tháng với sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí. Sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ được xác định trên cơ sở kế hoạch phát triển mỏ dầu khí đã được phê duyệt, báo cáo của các nhà điều hành và các công ty liên doanh điều hành chung.

Định kỳ, Tập đoàn xem xét lại sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ trong khuôn khổ của hợp đồng dầu khí. Trong trường hợp sản lượng khai thác dự kiến đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ khi đánh giá lại có sự chênh lệch so với sản lượng khai thác dự kiến đến hết thời hạn hợp đồng của mỏ đã được xác định trước đó, Tập đoàn sẽ điều chỉnh lại tỷ lệ phân bổ chi phí tìm kiếm thăm dò và chi phí phát triển mỏ cho các năm tiếp theo cho phù hợp.

Hàng năm, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá khả năng khai thác thương mại đối với các dự án dầu khí đang trong giai đoạn khai thác. Những dự án được đánh giá có sản lượng khai thác thương mại thấp, dẫn đến khả năng không thu hồi được chi phí, Tập đoàn sẽ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt việc phân bổ dần các chi phí tìm kiếm thăm dò và chi phí phát triển mỏ này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc phân bổ sẽ thực hiện theo phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí tiền thuê đất và các khoản chi phí khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương và Bộ Tài chính quy định về "phương pháp tính giá cơ sở, cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu".

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được trích lập bằng một khoản tiền cụ thể, cố định trong giá cơ sở của lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ và được xác định là một khoản mục chi phí trong cơ cấu giá cơ sở (mức trích căn cứ theo quy định từng thời kỳ của Bộ Tài chính).

Quỹ bình ổn giá xăng dầu được sử dụng theo công văn chỉ đạo của Bộ Tài chính từng thời kỳ. Việc sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu dựa trên sản lượng thực tế tiêu thụ nhân mức sử dụng trên một lít xăng dầu theo quy định của Bộ Tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập hàng năm từ 3% đến 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện

Quỹ được trích lập để đảm bảo nghĩa vụ tài chính của các nhà thầu dầu khí cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí và phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là "Quỹ thu dọn mỏ"). Quỹ thu dọn mỏ được hình thành trên cơ sở đóng góp của các nhà thầu dầu khí hàng năm theo tỷ lệ tham gia vào các hợp đồng dầu khí trong thời hạn 01 năm, kể từ thời điểm khai thác dòng dầu, khí đầu tiên. Quỹ thu dọn mỏ được quản lý tập trung tại PVN.

Vốn chủ sở hữu và các quỹ PVN

Vốn chủ sở hữu và các quỹ của PVN được hình thành từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp, nguồn vốn tự bổ sung từ lợi nhuận hàng năm và các nguồn khác.

Các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của PVN:

- Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các quyết định phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của PVN sau khi có sự chấp thuận của Bộ Công Thương và từ nguồn Ngân sách Nhà nước cấp tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được để lại. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty mẹ phục vụ cho đầu tư các dự án trọng điểm về dầu khí, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty mẹ, góp vốn với các Nhà thầu dầu khí theo các hợp đồng dầu khí và liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh, đầu tư, góp vốn vào các đơn vị thành viên, đầu tư ra bên ngoài và bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.
- Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí được sử dụng để thực hiện các hoạt động tìm kiếm, thăm dò (trong nước và nước ngoài) thăm lượng dầu khí; bù đắp, trang trải các rủi ro trong hoạt động tìm kiếm, thăm dò và thăm lượng dầu khí.

Trong thời gian chờ Chính phủ ban hành văn bản thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVN đang tạm chưa phân phối phần lợi nhuận sau thuế kể từ năm 2016 và tạm dừng trích Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lãi dầu, khí nước chủ nhà được để lại tái đầu tư tại Tập đoàn trong 6 tháng đầu năm 2017.

- Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của PVN được hình thành từ nguồn thu cam kết nghĩa vụ đào tạo trong các Hợp đồng dầu khí. Quỹ được sử dụng để duy trì, phát triển sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên dầu khí.
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của PVN được hình thành trên cơ sở nguồn thu từ cổ phần hóa các đơn vị trong Tập đoàn và khoản lãi tiền gửi tại các ngân hàng của quỹ (sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp). Quỹ được sử dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên, bộ phận doanh nghiệp trực thuộc thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu; bổ sung vốn điều lệ và đầu tư phát triển doanh nghiệp... khi có sự phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tập đoàn được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tập đoàn về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu bán dầu thô và khí tự nhiên được ghi nhận khi hàng hóa đã giao và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi này.

Tiền lãi đầu, khí sau thuế được chia với tư cách nhà thầu (bao gồm cả tiền lãi đầu, khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro") và tiền đầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng đầu khí được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính tương tự theo như quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị được trình bày bằng đồng tiền của nền kinh tế mà đơn vị đang hoạt động (đồng tiền cơ sở). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả và tình hình tài chính của từng đơn vị được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), đồng tiền cơ sở của Tập đoàn và là đồng tiền cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày bằng ngoại tệ

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tài sản và công nợ của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết có báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Doanh thu, chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ, trừ khi tỷ giá có sự thay đổi lớn trong kỳ, khi đó, tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ sẽ được sử dụng. Chênh lệch tỷ giá phát sinh sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hoặc vào kết quả kinh doanh trong kỳ trong trường hợp Tập đoàn thanh lý công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày bằng ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn là 3.414.345 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: lỗ 4.805.952 triệu VND).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản góp vốn vào các hợp đồng dầu khí và các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính, khoảng từ 28% đến 50% (ngoại trừ các lô dầu khí ở ngoài Việt Nam, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 0%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp của các hoạt động khác được thực hiện theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam với tỷ lệ thuế suất từ 10% đến 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi nước chủ nhà được chia

Lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia bao gồm:

- 72% lãi dầu, khí nước chủ nhà của Lô 06.1 sau khi trừ 1,5% để lại cho PVN bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí, Tập đoàn sẽ thực hiện kê khai và nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước.
- 28% lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và 28% lãi dầu, khí được chia từ các hợp đồng dầu khí khác sau khi trừ 1,5% để lại cho Tập đoàn bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí tính đến hết thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, đang chờ quyết toán để ghi tăng Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và Quỹ đầu tư, phát triển theo hướng dẫn tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn chủ yếu là các Tập đoàn, Tổng Công ty có cùng chủ sở hữu là Nhà nước và các Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn.

Tuy nhiên, không phải tất cả các công ty mà Nhà nước là chủ sở hữu hoặc có quyền chi phối được xem là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mỗi quan hệ đó.

Các chính sách kế toán riêng áp dụng theo Đề án tái cấu trúc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam giai đoạn 2016-2020

Trong năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVcomBank" - Công ty con) đã lập và đệ trình Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020 lên Ngân hàng Nhà nước ("NHNN"). Trong đó, PVcomBank đã trình bày thực trạng tình hình tài chính sau 2 năm sáp nhập, kết quả thực hiện sáp nhập và nêu một số kiến nghị xử lý tài chính hỗ trợ quá trình tái cơ cấu sau khi sáp nhập. NHNN đã xem xét, lấy ý kiến các cơ quan Nhà nước khác có liên quan và đệ trình lên Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các kiến nghị của PVcomBank. Ngày 10 tháng 3 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tờ trình của NHNN. Theo đó, từ năm 2015, PVcomBank đã áp dụng các kiến nghị trong Đề án trong việc lập báo cáo tài chính của PVcomBank.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	479.137	484.481
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.411.051	21.281.942
Tiền đang chuyển	323.443	546
Các khoản tương đương tiền (*)	54.325.907	55.963.236
	78.539.538	77.730.205

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn có thời hạn thu hồi gốc nhỏ hơn hoặc bằng ba (03) tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc hợp lý (*) Triệu VND	Giá trị Dự phòng Triệu VND	Giá gốc hợp lý (*) Triệu VND	Giá trị Dự phòng Triệu VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
Cổ phiếu	312.959	179.383	551.534	328.150
Trái phiếu	-	-	3.056.013	-
	312.959	179.383	3.607.547	223.384

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<u>b1) Ngắn hạn</u>				
Tiền gửi có kỳ hạn	99.055.666	99.055.666	89.943.031	89.943.031
<i>Trong đó:</i>				
<i>Quyỹ thu đơn mô giữ hộ các nhà thầu dầu khí</i>	31.082.711	31.082.711	41.166.900	41.166.900
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư trái phiếu	2.300.000	2.300.000	3.180.000	3.180.000
Trái phiếu	50.000	50.000	50.000	50.000
Các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	1.124.831	877.565	1.302.729	1.049.488
	102.530.497	102.283.231	94.475.760	94.222.519

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
<u>b2) Dài hạn</u>				
Trái phiếu (i)	5.418.789	5.402.703	6.584.279	6.566.951
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	160.000	160.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	910.314	910.313	835.616	835.616
	6.329.103	6.313.016	7.579.895	7.562.567

(i) Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Kho bạc Nhà nước có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm, lãi suất từ 0%/năm đến 11%/năm.

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị
	Triệu VND	Triệu VND	hợp lý (*) Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	hợp lý (*) Triệu VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	521.978	-	521.978	521.978	-	521.978
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	320.050	-	320.050	334.953	-	334.953
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	253.051	-	-	253.051	2.129	129.816
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300	147.300	-	147.300	147.300	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	664.456	247.429	417.027	777.286	204.080	573.206
Đầu tư vào các quỹ, các dự án	278.503	19.108	259.395	282.967	19.108	263.859
Công ty Cổ phần TD	-	-	-	262.257	262.257	-
	2.185.338	413.837	1.518.450	2.579.792	634.874	1.823.812

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ. Tuy nhiên, Tập đoàn có một số khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, do Thông tư 200 không có hướng dẫn cách xác định nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các đơn vị đó tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thông tin chi tiết phần tài sản thuần của Tập đoàn trong các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>Triệu VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	17.992.776	15.355.472
Giá trị gốc của khoản đầu tư	17.776.806	16.501.959
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	215.970	(1.146.487)
Góp vốn liên doanh	20.522.805	20.196.449
Giá trị gốc của khoản đầu tư	15.056.664	15.075.957
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh (*)	5.466.141	5.120.492
	38.515.581	35.551.921

(*) Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh không bao gồm phần lợi nhuận thuần của khoản đầu tư vào Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) do tiền lãi dầu khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Vietsovpetro được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của Tập đoàn tương tự theo như quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>Triệu VND</u>
Sản xuất điện	6.951.109	9.377.620
Thương mại và phân phối	6.834.880	3.524.547
Dịch vụ tài chính	-	6.155.196
Dịch vụ xây lắp, cơ khí	4.467.829	5.379.037
Thu gom, chế biến khí	2.751.711	3.144.649
Sản phẩm chế biến xăng, dầu	2.152.885	7.052.759
Khai thác dầu thô	1.959.298	3.472.471
Dịch vụ khoan	1.740.526	1.553.046
Dịch vụ tàu cảng	1.296.791	1.276.815
Khai thác khí, condensate	297.626	127.050
Sản xuất phân đạm	531.210	116.698
Khác	986.345	566.412
	29.970.210	41.746.300

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>Triệu VND</u>
Ngắn hạn		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	15.707.938	18.162.105
Cho vay các công ty liên doanh	2.267.822	1.476.009
Cho vay các tổ chức tín dụng	2.018.790	1.994.310
Khoản chờ xử lý đã có tài sản gán nợ	228.484	233.184
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác cho vay	49.021	2.882
Cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá	14.334	2.131
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	6.557	6.774
	20.292.946	21.877.395
Dài hạn		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	30.335.569	24.287.741
Cho vay các công ty liên doanh	9.155.035	8.417.178
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác cho vay	3.254.448	632.918
Cho vay các tổ chức tín dụng	955.034	955.034
	43.700.086	34.292.871

Phải thu về cho vay chủ yếu bao gồm:

- Khoản PVN cho Công ty Liên doanh Rusvietpetro (Rusvietpetro) (thành lập tại Cộng hòa Liên bang Nga) vay. Khoản cho Rusvietpetro vay có thời hạn trả nợ gốc là 5 năm, trong đó 1,5 năm ân hạn, lãi suất 5,0%/năm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến khi hoàn trả các khoản nợ gốc (nếu không có thỏa thuận nào khác giữa các bên), không có tài sản bảo đảm và gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 240 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 240 triệu USD). Thời hạn trả nợ gốc cuối cùng theo các thỏa thuận bổ sung của hai bên là cuối quý I năm 2019.

- Khoản PVN cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Nghi Sơn) vay. Lãi suất của khoản cho vay được tính bằng lãi suất LIBOR 1 tháng tại từng thời điểm cộng với 6%/năm. Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm và gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 263,5 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 195,8 triệu USD).

- Các khoản phải thu về cho vay khác chủ yếu phản ánh các khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank - Công ty con của PVN) cho các tổ chức, cá nhân trong nước vay.

15/10/2017

8. PHẢI THU KHÁC**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Phải thu lãi cho vay	4.828.713	3.958.962
Ứng kinh phí cho hoạt động quốc phòng, an ninh	4.561.466	4.506.466
Dự thu tiền bán khí và condensate	4.551.873	3.075.210
Chi phí mua mỏ Chevron (i)	4.238.695	4.238.695
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần và các giấy tờ có giá	1.938.098	608.973
Ứng vốn cho các hợp đồng dầu khí	1.346.519	1.694.388
Phải thu về thu hộ, chi hộ	1.210.369	388.976
Phải thu tiền nhận bồi hoàn	1.180.769	1.059.194
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản ủy thác vốn	982.727	923.921
Phải thu lãi từ đầu tư chứng khoán	834.035	1.017.235
Phải thu lãi liên doanh, cổ tức, lợi nhuận được chia	747.979	20.695
Phải thu Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (ii)	720.297	720.297
Phải thu về bàn giao sân phân phối 500kV Trung tâm điện lực Vũng Áng (iii)	537.542	-
Phải thu nhà điều hành các lô dầu khí	401.930	460.508
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	323.725	610.134
Phải thu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	322.200	322.200
Phải thu tiền vốn góp tại Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn (iv)	237.081	-
Phải thu liên quan đến ủy thác vốn	226.603	732.545
Phải thu về đầu tư dài hạn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục đầu tư	214.080	214.080
Phải thu khách hàng phần dịch vụ đã thực hiện	195.850	226.728
Phải thu về mua bán nợ	187.999	194.964
Phải thu về thuế	171.106	344.450
Phải thu về công trình xây dựng cơ bản	168.921	168.519
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên	141.758	140.648
Phải thu các dự án đóng tàu	128.448	128.448
Phải thu tiền đặt cọc, tạm ứng cho nhà cung cấp và phí bảo lãnh	125.114	79.227
Phải thu Ngân sách Nhà nước khoản tạm ứng liên quan đến công trình ngoài hàng rào Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	122.903	122.903
Phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG	122.109	122.109
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	121.643	121.643
Ứng vốn thực hiện dự án đường ống Tây Nam	95.871	93.229
Phải thu Bộ Giao thông Vận tải	50.970	50.970
Phải thu nhà thầu phí đào tạo theo cam kết trong các hợp đồng dầu khí	26.268	65.927
Phải thu về phí nhân lực	22.070	34.560
Các khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	17.134	17.134
Phải thu Murphy Asia Oil Company Limited về chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn tại Lô 15-1/05	-	168.104
Phải thu Công ty Mua bán Điện	-	2.929
Phải thu ngắn hạn khác	2.936.656	2.446.175
	34.039.521	29.081.146

- (i) Phản ánh khoản thanh toán mua toàn bộ cổ phần tại 03 Công ty Chevron Southwest Vietnam Pipeline Co. Ltd., Chevron Vietnam (Block B) Ltd., Chevron Vietnam (Block 52) Ltd., theo Hợp đồng mua bán cổ phần ký ngày 27 tháng 02 năm 2015 giữa Unocal International Corporation, Chevron Foreign Investment Inc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, PVN tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ, lợi ích và quyền điều hành của các nhà thầu này trong Hợp đồng chia sản phẩm Lô B & 48/95, Hợp đồng chia sản phẩm Lô 52/97 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án Đường ống Dẫn khí Lô B - Ô Môn. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, 03 công ty trên đã hoàn thành các thủ tục giải thể. PVN, với tư cách là đại diện cho nước chủ nhà, đã thành lập chi nhánh Công ty điều hành Dầu khí Phú Quốc và Công ty điều hành Đường ống Tây Nam để thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của Người điều hành theo quy định của các Hợp đồng này. Theo đó, chi phí mua được ghi nhận trên các khoản mục Chi phí phát triển mỏ và Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tương ứng.
- (ii) Phải thu Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC) (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam) phản ánh khoản Tập đoàn đã thanh toán cho SBIC liên quan đến các dự án nhận bàn giao từ SBIC. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, PVN chưa đối trừ hết số tiền đã thanh toán cho SBIC là 720.297 triệu VND.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, PVN đang thực hiện các thủ tục để chuyển giao Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo Thông báo kết luận số 188/TB-VPCP ngày 04 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ. Dự án đã được bàn giao cho EVN/Truyền tải Điện Hà Tĩnh để vận hành từ ngày 26 tháng 4 năm 2015 theo chỉ đạo tại Công văn số 4274/BCT-NL ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Bộ Công Thương và Công văn số 1931/NPT-TCCB&LD ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc gia và hoàn thành nghiệm thu đóng điện chạy thử 72 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2014. Dự án cũng đã được phê duyệt quyết toán ngày 12 tháng 01 năm 2017 theo Quyết định số 272/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị quyết toán là 537.542 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, PVN ghi nhận một khoản phải thu khác về chuyển giao tài sản theo giá trị sau quyết toán và đang xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để hoàn thành các thủ tục bàn giao và quyết toán vốn theo quy định.
- (iv) Ngày 02 tháng 6 năm 2017, trên cơ sở thỏa thuận ký kết với Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn ("LSP") và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VCB HCM"), PVN đã chuyển số tiền 237.081 triệu VND (tương đương với 10.428.000 USD) vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng VND của LSP mở tại VCB HCM. VCB HCM đã thực hiện phong tỏa toàn bộ số tiền này cho đến khi LSP hoàn thành toàn bộ các thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới với vốn điều lệ và tỷ lệ góp vốn điều chỉnh của các thành viên, trong đó, tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn là 29%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn đã hoàn thành các thủ tục nói trên và PVN đã ghi giảm khoản phải thu và đồng thời ghi nhận tăng vốn đầu tư công ty này.

b) Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi và phí phải thu (v)	5.858.202	5.138.954
Phải thu Công ty Gazprom EP International B.V. về chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn trong các Lô 05.2 và 05.3 (vi)	2.212.958	2.590.679
Ký cược, ký quỹ dài hạn	272.853	291.976
Phải thu dài hạn khác	359.149	577.821
	<u>8.703.162</u>	<u>8.599.430</u>

(v) Phản ánh các khoản lãi và phí phải thu từ các khoản ủy thác đầu tư, lãi phải thu từ hoạt động tín dụng và lãi phải thu từ hoạt động chứng khoán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

(iv) Phản ánh khoản phải thu Công ty Gazprom EP International B.V ("GPEPI") về chi phí quá khứ liên quan đến Lô 05.2 và Lô 05.3 theo hướng dẫn tại Công văn số 5271/BTC-TCĐN ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn ghi nhận các khoản phải thu của hợp đồng phân chia sản phẩm các Lô 05.2 và Lô 05.3 mà PVN được quyền thu hồi khi tiếp nhận hai lô này. Khoản này được PVN thu hồi hàng tháng thông qua căn trừ trực tiếp 25% sản lượng dành cho thu hồi chi phí được phân bổ cho GPEPI đến khi GPEPI hoàn trả đầy đủ cho PVN hoặc đến khi kết thúc đời mỏ, tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước.

9. NỢ XẤU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, dự nợ xấu chủ yếu tại một số đơn vị thành viên của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Phải thu ủy thác đầu tư và phải thu khác	2.395.379	2.383.617
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày	1.162.217	1.125.138
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất		
Các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày	997.442	1.042.707
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày	885.369	891.865

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u> Triệu VND	<u>Dự phòng</u> Triệu VND	<u>Giá gốc</u> Triệu VND	<u>Dự phòng</u> Triệu VND
Nguyên vật liệu	6.020.510	(339.291)	5.616.389	(336.759)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.124.044	(49.998)	6.816.130	(55.226)
Hàng hóa	3.313.324	(51.154)	2.709.215	(38.780)
Công cụ, dụng cụ	1.759.004	(9.628)	2.100.065	(9.628)
Thành phẩm	1.521.943	(5.101)	1.270.118	(23.262)
Hàng mua đang đi đường	630.165	-	2.443.950	-
Hàng hóa bất động sản	344.297	(34.302)	344.297	(34.303)
Hàng gửi bán	221.072	-	124.466	-
Hàng hóa khác	-	-	8.217	-
	19.934.359	(489.474)	21.432.847	(497.958)

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B09a-DN/HN

11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	51.158.449	144.158.339	17.657.196	2.353.701	33.788.218	249.115.903
Mua sắm mới	38.916	106.599	302.474	56.118	2.175	506.282
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	178.615	74.757	2.276	33	162.135	417.816
Nhận góp vốn bằng tài sản cố định	-	-	106.092	-	-	106.092
Thanh lý, nhượng bán	(2.445)	(16.315)	(54.904)	(3.934)	-	(77.598)
Chuyển đổi sang đồng tiền cơ sở	334	6.160	2	2	-	6.498
Phần loại lại	864.373	(800.903)	8.879	(128.591)	56.242	-
Giảm do thanh lý công ty con, mất quyền kiểm soát	(166.346)	(2.957)	(70.808)	(144.586)	(8.002)	(392.699)
Tặng/(Giảm) khác	(7.312)	(1.164)	(639)	442	(43)	(8.716)
Số dư cuối kỳ	52.064.584	143.524.516	17.950.568	2.133.185	34.000.725	249.673.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	15.247.883	55.668.581	9.550.898	1.657.165	20.650.876	102.775.403
Khấu hao trong kỳ	1.267.507	4.089.583	535.071	131.980	1.031.839	7.055.980
Thanh lý, nhượng bán	(1.419)	(13.125)	(49.765)	(3.920)	-	(68.229)
Chuyển đổi sang đồng tiền cơ sở	327	5.508	4	4	-	5.843
Giảm do thanh lý công ty con, mất quyền kiểm soát	(40.152)	(2.508)	(49.358)	(68.376)	-	(160.394)
Phần loại lại	80.656	(125.357)	(11.386)	(236)	56.323	-
Tặng/(giảm) khác	(4.940)	(3.199)	(1.121)	(961)	1.864	(8.357)
Số dư cuối kỳ	16.549.862	59.619.483	9.974.343	1.715.656	21.740.902	109.600.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	35.910.566	88.489.758	8.106.298	696.536	13.137.342	146.340.500
Tại ngày cuối kỳ	35.514.722	83.905.033	7.976.225	417.529	12.259.823	140.073.332

Tổ máy 1 và tổ máy 2 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Sân phân phối 500kV Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào vận hành thương mại lần lượt vào ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 12 tháng 5 năm 2015, tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo các Quyết định của Hội đồng Thành viên PVN với tổng số tiền là 29.742.059 triệu VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị tài sản Tổ máy 1 và tổ máy 2 được theo dõi và ghi nhận tại Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power - Công ty con của PVN). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 chưa được phê duyệt quyết toán. Theo đó, giá trị bàn giao của các tài sản và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên có thể thay đổi khi dự án được quyết toán và bàn giao chính thức.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 22 là 36.155.378 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 37.918.323 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với số tiền là 27.975.407 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 21.416.053 triệu VND).

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn là Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio - Ethanol Dung Quất đang tạm dừng hoạt động. Giá trị còn lại của tài sản cố định nói trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.543.151 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.576.903 triệu VND).

11
12
13
14
15

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	4.062.976	646.571	1.110.199	61.999	5.881.745
Mua sắm mới	93.345	-	39.035	-	132.380
Xây dựng cơ bản hoàn thành	15.645	-	-	-	15.645
Thanh lý, nhượng bán	(219.286)	-	(250)	-	(219.536)
Phân loại lại	-	696	(696)	-	-
Giảm do thanh lý công ty con, mất quyền kiểm soát	(74.883)	(124.593)	-	-	(199.476)
Tăng/(giảm) khác	(14.100)	-	64	-	(14.036)
Số dư cuối kỳ	3.863.697	522.674	1.148.352	61.999	5.596.722
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	229.588	371.814	749.462	39.978	1.390.842
Trích khấu hao trong kỳ	21.011	16.801	68.654	3.986	110.452
Thanh lý, nhượng bán	(1.721)	-	(250)	-	(1.971)
Phân loại lại	(778)	-	754	24	-
Giảm do thanh lý công ty con, mất quyền kiểm soát	(4.380)	(77.580)	-	-	(81.960)
Tăng/(giảm) khác	(1.003)	-	29	18	(956)
Số dư cuối kỳ	242.717	311.035	818.649	44.006	1.416.407
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	3.833.388	274.757	360.737	22.021	4.490.903
Tại ngày cuối kỳ	3.620.980	211.639	329.703	17.993	4.180.315

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Kỳ này Triệu VND	Kỳ trước Triệu VND
Số dư đầu kỳ	47.902.238	39.916.473
Tăng trong kỳ	9.469.280	7.178.233
Chuyển sang tài sản cố định, bất động sản đầu tư trong kỳ	(433.461)	(6.481.684)
Số dư cuối kỳ	56.938.057	40.613.022

Chi tiết một số công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn của Tập đoàn như sau:

<u>Tên công trình</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	28.607.471	27.333.343
Các công trình tại Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	6.788.926	3.332.493
Các công trình tại Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	4.971.982	2.974.746
Dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau	4.375.348	3.386.830
Dự án nâng công suất phân xưởng NH ₃ nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK	2.218.209	1.213.038
Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn (i)	1.900.329	1.827.491
Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	1.076.530	872.455
Các dự án nhận bàn giao từ SBIC (ii)	695.348	695.348
Đường ống dẫn khí Lô B Ô Môn	571.045	545.769
Nhà máy Liên hiệp Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	502.199	502.199
Tổ hợp khí - điện - đạm Cà Mau	278.797	278.797
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	240.783	239.226
Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (iii)	239.526	1.005.782
Công trình thủy điện Hòa Na	182.159	99.757
Dự án tòa nhà 1A, Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	179.375	170.238
Dự án Xuân Phương	171.587	171.546
Trường Đại học Dầu khí	152.537	149.273
Đường ống Nam Côn Sơn 2	148.356	293.146
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	138.578	156.235
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	135.596	135.596
Dự án Thủy điện Luang Prabang	129.648	129.648
Cấp bù Khí ấm Nam Côn Sơn cho nhà máy xử lý Khí Dinh Cố	121.647	116.336
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang	103.079	103.079
Dự án xây dựng khu du lịch biển Mỹ Khê	102.438	10.894
Các dự án của Viện Dầu khí Việt Nam	78.245	76.401
Kho chứa LNG Thị Vải	74.433	74.433
Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên	64.277	64.277
Kho cảng Xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (giai đoạn 2)	56.164	56.164
Dự án bổ sung phân xưởng thu hồi lưu huỳnh	35.803	35.803
Đầu tư xây dựng các cửa hàng xăng dầu	20.447	50.479
Dự án UFC 85/Formaldehyde	5.684	6.058
Công trình đầu tư Khu du lịch Thanh Bình	-	96.823
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình	-	63.399
Các công trình khác	2.571.511	1.635.136
	56.938.057	47.902.238

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị các công trình xây dựng cơ bản dở dang sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 22 là 171.415 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 171.546 triệu VND).

- (i) Chi phí xây dựng dở dang chủ yếu liên quan đến việc thi công, nạo vét lần đầu các công trình trên biển (nạo vét từ 0m đến 9m dưới mặt nước biển - BoQ1) thuộc nghĩa vụ của Chính phủ Việt Nam như cam kết trong Hợp đồng hợp tác liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn. PVN được Chính phủ giao làm chủ đầu tư, có trách nhiệm ứng vốn thực hiện công trình. Toàn bộ chi phí sẽ được bù đắp bằng nguồn Ngân sách Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, công trình đã được thi công hoàn thành và đang trong quá trình quyết toán. PVN đang tạm theo dõi số tiền đã tạm ứng để thực hiện công trình nêu trên tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ để chờ hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về thời điểm và cách thức hoàn trả số tiền này.
- (ii) Theo Quyết định số 926/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - SBIC) và Công văn số 319/BTC-TCDN ngày 30 tháng 8 năm 2010 về việc hướng dẫn các vấn đề về tài chính khi thực hiện điều chuyển, bàn giao các doanh nghiệp và dự án thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam, PVN đang tạm hạch toán tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang các dự án tiếp nhận từ SBIC và tăng các khoản phải trả với số tiền là 695.348 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chưa có ý kiến chính thức bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền về giá trị các dự án xây dựng dở dang nhận bàn giao từ SBIC.
- (iii) Giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu bao gồm giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 tại Trung tâm điện lực Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 18 tháng 10 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1, công suất 2x600 MW tại Trung tâm điện lực Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đồng thời giao Bộ Công Thương hướng dẫn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện phương án xử lý các thủ tục chuyển giao theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVN đang chờ hướng dẫn của Bộ Công Thương để thực hiện việc chuyển giao nêu trên.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
Chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác (i)	98.025.381	103.012.735
Chi phí quá khứ của Hợp đồng Dầu khí Lô 04.3 (ii)	1.965.607	2.111.539
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng, văn phòng	820.268	877.432
Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ	516.124	498.537
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng chờ phân bổ	483.533	648.599
Phí khoản vay tín dụng	541.358	485.944
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp	367.399	395.009
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	237.810	393.413
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	101.311	102.555
Tài trợ phân hiệu dạy nghề Nghệ An	56.660	113.320
Chi phí trả trước dài hạn khác	948.903	921.112
	<u>104.064.354</u>	<u>109.560.195</u>

- (i) Tình hình biến động chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> Triệu VND	<u>Kỳ trước</u> Triệu VND
Số dư đầu kỳ	103.012.735	114.280.761
Tăng thêm trong kỳ	1.649.787	2.711.260
Giảm trong kỳ	6.637.141	7.344.546
<i>Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ</i>	6.637.141	7.344.546
Số dư cuối kỳ	<u>98.025.381</u>	<u>109.647.475</u>

Chi phí tìm kiếm thăm dò, phát triển của các mỏ dầu khí đang khai thác bao gồm dự án Lô 67 tại Peru. PVEP đã ký hợp đồng với Công ty Perenco Peru (Holding) Limited để mua 52,361% cổ phần của Công ty Perenco Peru Ltd. (PPL - nay đổi tên thành PVEP Perenco Peru Ltd), một công ty được thành lập tại Bahamas, để sở hữu 50% quyền tham gia tại Hợp đồng dầu khí Lô 67 Peru vào ngày 21 tháng 6 năm 2012. PVEP đang ghi nhận trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" các chi phí tham gia dự án, chi phí tìm kiếm, thăm dò và phát triển dầu khí chưa phân bổ của Lô 67 Peru tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 10.760.811 triệu VND trên cơ sở Công văn số 14873/BTC-CĐKT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính. Theo thông báo của Nhà điều hành Lô 67 Peru, Dự án Lô 67 Peru đã tạm dừng khai thác vì điều kiện bất khả kháng kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2016. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa xác định được chính xác thời gian khai thác trở lại của Dự án Lô 67 Peru và đang làm việc với các nhà thầu và các cơ quan có thẩm quyền để xác định phương án xử lý vấn đề nêu trên.

- (ii) Trong 6 tháng đầu năm 2017, PVN phân bổ chi phí quá khứ phát sinh trước khi ký Hợp đồng dầu khí Lô 04-3 năm 2009 tương ứng với tỷ lệ lợi ích của PVN vào chi phí tài chính tương ứng với số dầu và khí thu hồi chi phí được chia với số tiền gần 146 tỷ VND. Nếu Công ty phân bổ chi phí dầu khí của Lô 04-3 theo tỷ lệ giữa sản lượng khai thác thực tế với sản lượng dự kiến khai thác đến hết thời hạn hợp đồng thì Chi phí tài chính trong kỳ sẽ giảm đi hơn 46,8 tỷ VND và Lợi nhuận trước thuế sẽ tăng lên một khoản tương ứng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVN đang báo cáo các cơ quan có thẩm quyền về phương án phân bổ chi phí quá khứ của Lô 04-3 nêu trên.

15. CHI PHÍ TÌM KIẾM, THĂM DÒ DẦU KHÍ

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>Triệu VND</u>
Các hợp đồng dầu khí trong nước	33.347.569	32.336.362
Các hợp đồng dầu khí tại nước ngoài (i)	4.916.162	4.909.318
Chi đề án, đề tài (ii)	62.488	62.488
	38.326.219	37.308.168

(i) Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí nước ngoài tại ngày kết thúc kỳ hoạt động bao gồm khoảng 1.542.672 triệu VND là chi phí của dự án 39 Peru của PVEP. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ Hội đồng Thành viên PVN và/hoặc các cơ quan chức năng về việc phê duyệt báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên.

(ii) Chi đề án, đề tài chủ yếu phản ánh các khoản chi phí quản lý và chi thực hiện đề tài, nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò và đánh giá tiềm năng dầu khí phát sinh lũy kế chưa được phê duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền để ghi giảm.

Chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí bao gồm 5.633.497 triệu VND là số chi phí tìm kiếm, thăm dò của các dự án dầu khí được Tập đoàn và PVEP đánh giá không hiệu quả trong năm 2014. Trong năm 2015, PVN đã gửi Công văn xin ý kiến chỉ đạo phê duyệt tới Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính về vấn đề này. Ngày 30 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1347/VPCP-KTTH đồng ý về mặt chủ trương việc phân bổ chi phí các dự án dầu khí không hiệu quả năm 2014 của PVEP. Ngày 21 tháng 11 năm 2016, Bộ Công Thương có Công văn số 654/BCT-TCNL ghi nhận kết quả rà soát của PVN về các dự án, giếng khoan tìm kiếm thăm dò không thành công và giao Hội đồng Thành viên PVN quyết định, giám sát việc phân bổ chi phí trong tháng 11 năm 2016. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa được phê duyệt về phương án sử dụng nguồn lợi nhuận năm 2014 để xử lý việc phân bổ chi phí nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của PVEP chưa bao gồm những điều chỉnh liên quan đến sự kiện này.

Tình hình biến động chi phí tìm kiếm, thăm dò dầu khí trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>Triệu VND</u>
Số dư đầu kỳ	37.308.168	43.770.838
Tăng thêm trong kỳ	1.018.051	900.107
<i>Các dự án trong giai đoạn thăm dò</i>	<i>975.186</i>	<i>889.122</i>
<i>Các dự án trong giai đoạn phát triển</i>	<i>42.865</i>	<i>10.985</i>
Giảm trong kỳ	-	54.378
<i>Giảm do quyết toán vốn đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>54.378</i>
<i>Giảm do quyết toán chi phí dự án</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số dư cuối kỳ	38.326.219	44.616.567

16. CHI PHÍ PHÁT TRIỂN MỎ

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
Các hợp đồng dầu khí trong nước	2.008.612	1.782.922
Các hợp đồng dầu khí tại nước ngoài	9.198.597	9.197.128
	<u>11.207.209</u>	<u>10.980.050</u>

Chi phí phát triển mỏ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm khoản phí tham gia trả lần đầu và lần thứ hai với tổng số tiền là 442.000.000 USD mà PVEP đã chuyển cho nước Cộng hòa Bolivar Venezuela để được tham gia đầu tư khai thác tại Lô Junin 2 như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khoản phí tham gia phải trả lần cuối cùng là 142.000.000 USD đã được PVEP xin gia hạn đến khi hoàn thành các hoạt động thăm định và đánh giá đầy đủ trữ lượng của Lô Junin 2.

Tình hình biến động chi phí phát triển mỏ trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> Triệu VND	<u>Kỳ trước</u> Triệu VND
Số dư đầu kỳ	10.980.050	12.271.695
Tăng thêm trong kỳ	2.708.406	3.422.486
Giảm trong kỳ	2.481.247	3.267.390
<i>Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ</i>	<i>1.649.787</i>	<i>2.711.260</i>
<i>Nhận lại tiền góp vốn vào lô B & 48/95 và lô 52/97</i>	<i>238.643</i>	<i>-</i>
<i>ứng hộ các nhà thầu khác</i>		
<i>Kết chuyển chi phí hoạt động trong kỳ</i>	<i>592.817</i>	<i>556.130</i>
Số dư cuối kỳ	<u>11.207.209</u>	<u>12.426.791</u>

17. TÀI SẢN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
a) Tài sản ngắn hạn khác		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	5.283.398	7.410.785
Ứng trước ủy quyền đầu tư và ủy quyền bán đã ký hợp đồng chuyển nhượng	460.371	460.371
Khác	26.253	26.253
	<u>5.770.022</u>	<u>7.897.409</u>
b) Tài sản dài hạn khác		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.975.115	11.564.398
Tài sản gán nợ đang chờ xử lý	830.243	830.243
Góp vốn dài hạn tại PVC Đông Đô	182.951	182.951
Khác	-	91.454
	<u>12.988.309</u>	<u>12.669.046</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
Dịch vụ xây lắp, cơ khí	6.764.438	5.729.674
Sản xuất điện	3.598.269	3.117.535
Thu gom, chế biến khí	3.976.545	3.081.908
Thương mại và phân phối	2.130.445	898.420
Dịch vụ tàu cảng	678.156	1.863.088
Dịch vụ khoan	559.408	708.694
Sản xuất phân đạm	363.888	269.888
Đóng tàu	372.080	416.036
Hóa dầu, sơ xối	416.493	334.942
Sản phẩm chế biến xăng, dầu	309.133	1.514.231
Dịch vụ tài chính	-	1.761.061
Khác	953.751	1.164.182
	<u>20.122.606</u>	<u>20.859.659</u>
Trong đó:		
- Phải trả người bán ngắn hạn	20.121.655	20.858.708
- Phải trả người bán dài hạn	951	951

50 / T HỮ TT 4N H

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Thuế	4.500.597	24.487.554	25.468.228	3.519.923
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.248.076	5.227.800	5.753.557	722.319
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(555)	1.732.057	1.706.628	24.874
Thuế tiêu thụ đặc biệt	407.873	1.979.246	2.179.498	207.621
Thuế xuất, nhập khẩu	(119.381)	1.723.491	1.689.784	(85.674)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.726.561	5.608.024	5.809.605	1.524.980
Thuế thu nhập cá nhân	84.020	336.900	380.591	40.329
Thuế tài nguyên	593.382	2.656.926	2.801.876	448.432
Thuế nhà đất	(502)	124.383	79.758	44.123
Thuế môn bài	112	800	803	109
Các loại thuế khác	561.011	5.097.927	5.066.128	592.810
II. Các khoản phải nộp khác	6.071.828	11.050.127	11.221.818	5.900.137
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC	1.590.972	3.623.279	4.047.533	1.166.718
Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí (i)	-	136	98	38
Các khoản phí, lệ phí	486	2.473	17	2.942
Hoa hồng đầu khí	-	347.243	347.243	-
Tiền khí ẩm	(44.389)	65.602	11.970	9.243
Phí môi trường	5.562	12.408	12.990	4.980
Các khoản thu điều tiết	149.486	-	149.486	-
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước (ii)	4.369.081	6.963.667	6.617.592	4.715.156
Các khoản khác	630	35.319	34.889	1.060
Tổng cộng	10.572.425	35.537.681	36.690.046	9.420.060
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	595.464			299.736
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.167.889			9.719.796

(i) Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí là khoản tiền nhà thầu phải trả cho PVN để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu, khí có sẵn. PVN được ủy quyền thực hiện kê khai, nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước 75% tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí. Số 25% còn lại của tiền thu về đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí được để lại cho PVN để bổ sung vào Quỹ Đầu tư, phát triển và Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí.

(ii) Lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Trong kỳ, PVN đã nộp lợi nhuận sau thuế năm 2016 và tạm nộp lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017 vào Ngân sách Nhà nước. Số nộp chính thức sẽ được phê duyệt khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 và 2017 của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Trong năm 2016, thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, PVN đã tạm ghi nhận khoản lợi nhuận thu về từ PVEP tương ứng với phần chi phí dự án dầu khí không hiệu quả và thực hiện phân phối phần lợi nhuận này vào Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ tìm kiếm, thăm dò dầu khí và nộp Ngân sách Nhà nước với số tiền lần lượt là 1.257.123 triệu VND, 419.041 triệu VND và 2.514.246 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVN vẫn đang tiếp tục báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xin phê duyệt chi phí dự án dầu khí không hiệu quả của PVEP nói trên.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận phải nộp Ngân sách Nhà nước	4.715.156	4.369.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.732.650	2.164.611
Lãi nước chủ nhà từ VSP và các PSC	1.166.718	1.590.972
Các khoản thu điều tiết (iii)	-	149.486
Thuế tài nguyên	448.432	593.382
Thuế khác	1.656.840	2.300.357
	9.719.796	11.167.889

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.670	438.050
Thuế khác	92.066	157.414
	299.736	595.464

(iii) Các khoản thu điều tiết nộp Ngân sách Nhà nước được xác định theo Thông tư số 24/2013/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2013, áp dụng cho toàn bộ sản phẩm lọc dầu (xăng, dầu, LPG) và sản phẩm hóa dầu do Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn sản xuất, chế biến và tiêu thụ trong nước.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả các hợp đồng đầu khí (i)	6.559.109	7.691.290
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và xây lắp	3.903.878	3.127.810
Trích trước chi phí mua và xử lý khí	2.947.212	824.079
Trích trước chi phí kết thúc dự án Lô 01/97 & 02/97 (ii)	1.817.018	-
Chi phí lãi vay	1.380.335	1.401.553
Chi phí lãi huy động tín dụng	848.132	1.303.687
Chi phí phải trả liên quan đến nhập khẩu lô đầu thô Azeri	842.965	-
Trích trước chi phí kết thúc dự án Lô SK 305 (iii)	761.954	936.491
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	124.902	143.737
Chi phí dịch vụ khảo sát địa chấn	125.894	95.871
Chi phí an sinh xã hội, phí bảo hiểm	90.640	48.528
Chi phí phải trả khác	994.886	691.651
	20.396.925	16.264.697
b) Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí lãi vay	317.946	386.114
Chi phí lãi huy động tín dụng	96.047	12.045
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, xây lắp	76.897	83.515
Chi phí phải trả khác	4.735	6.792
	495.625	488.466

- (i) Phản ánh các khoản chi phí phải trả liên quan đến hoạt động thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí của nhà điều hành của các lô đầu khí mà Tập đoàn tham gia góp vốn thực hiện.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 38, Ban Tổng Giám đốc PVEP đã ghi nhận 50% chi phí đền bù FPSO với số tiền ước tính là 58.827.214,73 USD (tương đương 1.335.378 triệu VND) và 50% phí thu dọn mỏ phải trả với số tiền ước tính là 21.217.636 USD (tương đương 481.640 triệu VND) vào giá vốn hàng bán trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 căn cứ theo Nghị quyết số 1084/NQ-TDKT của Hội đồng Thành viên PVEP ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc ghi nhận khoản đền bù FPSO và Quỹ thu dọn mỏ Lô 01/97 & 02/97 vào kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017.
- (iii) Phản ánh số tiền trích trước liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ/trách nhiệm chưa hoàn thành khi dừng tham gia Hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia ("Hợp đồng đầu khí") căn cứ vào Báo cáo kết thúc dự án thăm dò khai thác dầu khí Lô SK 305 - Malaysia đang trình Hội đồng Thành viên PVN phê duyệt. Tổng chi phí dự kiến để hoàn thành các nghĩa vụ còn tồn tại của PVEP theo Hợp đồng đầu khí trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 là 1.981.886 triệu VND (tương đương với 88,28 triệu USD), trong đó, chi phí thực tế đã phát sinh đến ngày kết thúc kỳ hoạt động này là 1.219.225 triệu VND (tương đương với 54,71 triệu USD) và chi phí trích trước tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 761.954 triệu VND (tương đương với 33,57 triệu USD). Chi phí thực hiện nghĩa vụ/trách nhiệm chưa hoàn thành này sẽ được xác định chính thức khi có quyết định của Hội đồng Thành viên PVN và các cấp có thẩm quyền.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
a) Ngắn hạn		
Thu hộ, trả hộ tiền dầu thô xuất khẩu ủy thác	2.544.496	3.788.792
Phải trả từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	1.905.058	704.876
Vốn phải ứng trong các hợp đồng dầu khí	1.733.067	1.547.428
Lãi nước chủ nhà	1.594.088	401.106
Phải trả về các công trình xây dựng cơ bản	1.553.075	1.732.194
Nhận bàn giao từ SBIC (<i>Xem Thuyết minh số 13</i>)	695.348	695.348
Phải trả cổ tức, lãi liên doanh	597.157	437.204
Phải trả về ứng vốn trong các hợp đồng dầu khí	485.859	482.654
Phải trả liên quan đến tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng (i)	436.038	435.922
Phải trả về đóng mới công trình kho nổi chứa dầu FSO5	411.438	411.829
Phải trả về công trình Dragon	270.253	281.218
Chênh lệch giữa thu - chi các hợp đồng dịch vụ ký với Liên doanh Lọc hóa dầu Nghi Sơn	265.209	261.930
Phải trả các ngân hàng lãi vay	169.200	104.248
Phải trả tiền đặt cọc, ký quỹ, ký cược	139.805	101.194
Giữ lại tiền thanh toán YMC-Transtech về khoản thuế nhà thầu đã nộp	129.368	129.482
Phải trả về thuế, phí, lệ phí, các khoản bồi thường, phạt	81.376	260.538
Phải trả tiền lương, thưởng	64.871	53.299
Thuế xuất khẩu dầu thô thu hộ, trả hộ	1.439	8.886
Phải trả thanh toán giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư	-	32.276
Phải trả khác	2.376.215	2.108.405
	15.453.360	13.978.829
b) Dài hạn		
Phải trả về quỹ thu dọn mỏ (ii)	42.166.583	41.219.403
Phải trả NSNN chi phí quá khứ Lô 04.3 (iii)	2.018.641	2.113.193
Phải trả khác	812.158	515.422
	44.997.382	43.848.018

(i) Bao gồm khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng EPC của Công ty TNHH Hyundai Engineering ("HEC") theo Thư bảo lãnh phát hành ngày 19 tháng 5 năm 2014 với số tiền là 223.001 triệu VND (tương đương 9.695.749 USD). Ngày 11 tháng 11 năm 2015, PVTex đã thực hiện rút số tiền nói trên và ghi nhận phải trả ngắn hạn khác do Nhà thầu HEC đề nghị mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng mới để thay thế Thư bảo lãnh đã hết hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVTex đang thực hiện các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp với nhà thầu HEC về khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng nói trên.

(ii) Phản ánh số dư tiền đóng góp vào Quỹ thu dọn mỏ của các nhà thầu dầu khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo quy định tại Quyết định số 40/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ nhằm bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện. Tập đoàn đã ủy thác việc quản lý Quỹ thu dọn mỏ tại một số ngân hàng thương mại bao gồm Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Bản Việt, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất áp dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 đối với đồng USD là 0%/năm và đối với VND là 6,5%/năm.

(iii) Trong năm 2016, căn cứ theo Công văn số 11014/VPCP-KTTH (“Công văn 11014”) của Văn phòng Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc chi phí quá khứ của Hợp đồng đầu khí Lô 04-3, Tập đoàn ghi nhận phần chi phí quá khứ phát sinh trước khi ký Hợp đồng đầu khí Lô 04-3 năm 2009 tương ứng với tỷ lệ lợi ích của PVN trong Hợp đồng đầu khí Lô 04-3 vào chi phí trả trước dài hạn với số tiền là 93.227.880 USD, đồng thời ghi tăng khoản phải trả dài hạn khác với Ngân sách Nhà nước. Chi phí quá khứ được PVN thu hồi dần từ năm 2016. Theo hướng dẫn tại Công văn 11014, chi phí quá khứ này về bản chất là khoản thu hồi lãi chia bổ sung tại Vietsovpetro, do đó, việc xử lý khoản chi phí này được thực hiện như đối với khoản lãi được chia từ Vietsovpetro hàng năm theo tỷ lệ đầu tư trở lại cho PVN được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời điểm ghi nhận và xác định tỷ lệ nộp Ngân sách Nhà nước, đầu tư trở lại cho PVN được thực hiện khi thực tế thu hồi được khoản chi phí, căn cứ tỷ lệ lãi nước chủ nhà được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với năm tương ứng.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	58.040.164	45.112.216
Vay dài hạn đến hạn trả	41.806.301	50.066.385
	<u>99.846.465</u>	<u>95.178.601</u>

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay theo hạn mức và hợp đồng tín dụng bằng EUR, USD và VND từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng.

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng USD, VND và EUR từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Các khoản vay và nợ thuê tài chính này được Tập đoàn vay dưới hình thức tín chấp, hoặc được Bộ Tài chính nước Cộng hòa XHCN Việt Nam bảo lãnh, hoặc được bảo đảm bằng tài sản của Tập đoàn.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Đô la Mỹ	90.354.366	99.861.696
Đồng Việt Nam	37.176.541	42.724.319
Euro	2.092.778	2.169.174
	<u>129.623.685</u>	<u>144.755.189</u>

Tỷ lệ lãi suất hàng năm như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Đô la Mỹ	1,45% - 9,5%	0,75% - 9,5%
Đồng Việt Nam	1%-15%	1% - 17,5%
Euro	1,15%-4,15%	1,31% - 4,15%

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Trong vòng một năm	41.806.301	50.066.385
Trong năm thứ hai	26.901.689	15.657.949
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	47.558.779	61.688.569
Sau năm năm	13.356.916	17.342.286
	129.623.685	144.755.189
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(41.806.301)	(50.066.385)
Số phải trả sau 12 tháng	87.817.384	94.688.804

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có một số hợp đồng vay nhưng chưa thực hiện giải ngân chủ yếu như sau:

- Hợp đồng vay ngày 09 tháng 12 năm 2013, vay tổ hợp ngân hàng do Ngân hàng HSBC làm đầu mỗi chưa giải ngân. Hạn mức hợp đồng là 195.250.000 USD để phục vụ cho việc xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR cộng với lãi suất biên hàng năm là 4,7%/năm. Khoản vay có kỳ hạn 10 năm, trả gốc trong 7 năm.
- Các hợp đồng vay vốn ECA Hàn Quốc do Ngân hàng CitiBank Singapore làm đầu mỗi để thanh toán các chi phí của Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 với tổng hạn mức là 987.000.000 USD. Cụ thể:
 - (i) Khoản vay do Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc ("KEXIM") trực tiếp cho vay với hạn mức 252.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 3,32%/năm;
 - (ii) Hợp đồng vay do KEXIM bảo hiểm tín dụng xuất khẩu với hạn mức 228.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 1,28%/năm;
 - (iii) Hợp đồng vay do Công ty Bảo hiểm Xuất khẩu Hàn Quốc (KSURE) bảo hiểm tín dụng xuất khẩu với hạn mức 507.000.000 USD, lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR 6 tháng cộng với lãi suất biên là 1,28%/năm.

Các khoản vay có kỳ hạn tối đa 17 năm, trả gốc trong 12 năm.

- Hợp đồng vay thương mại nước ngoài do Ngân hàng CitiBank Singapore làm đầu mỗi. Hạn mức hợp đồng là 213.000.000 USD để thanh toán các chi phí của Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Lãi suất trong hạn USD được tính bằng lãi suất LIBOR cộng với lãi suất biên hàng năm là 3,4%/năm. Khoản vay có kỳ hạn tối đa 10 năm, trả gốc trong 5 năm.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối kỳ</u> Triệu VND	<u>Số đầu kỳ</u> Triệu VND
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	3.042.354	2.052.952
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	142.255	156.378
Dự phòng bồi thường bảo hiểm	-	4.034.632
Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng	-	3.064.526
Khác	347.702	330.059
	3.532.311	9.638.547
Dài hạn		
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.954.389	1.627.235
Dự phòng bảo hành công trình, sản phẩm	1.367.821	1.364.680
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	233.433	153.579
Khác	19.523	38.349
	3.575.166	3.183.843

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09a-DN/HN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển		Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu (1)		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XD CB		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng		
	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND	Triều VND
Tại ngày đầu kỳ trước	281.500.000	11.788.507	113	(3.686.011)	55.194.191	2.276.685	21.676.318	29.752.352	607.117	40.315.675	439.424.947												
Ngân sách Nhà nước cấp vốn	-	-	-	-	8.226	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.226
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	9.671.295	-	-	-	-	-	-	-	9.671.295	-	-	-	1.597.287	-	-	11.268.582
Tặng vốn tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	493.000
Phân phối các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	2.032.541	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.045.131)	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(494.115)	-	-	-	(288.569)	-	-	(782.684)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.783.454)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(47.692)	-	-	(1.831.146)
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.735.555)	-	-	-	-	-	-	(5.735.555)
Tặng quỹ từ lãi nước chủ nhà, tiền độc tài liệu để lại	-	-	-	-	1.161.059	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.290.066
Chỉ tiêu theo quy định	-	-	-	-	(38.611)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(34.058)	-	-	-	-	-	-	(72.669)
Lãi tiền đầu Vietsov phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.262.450)	-	-	-	-	-	-	(1.262.450)
Tặng quỹ từ lãi tiền đầu Vietsov	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(421.208)	-	-	-	-	-	-	(421.208)
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.457.337)
Thuế hoãn lại phải trả liên quan đến dự phòng phải thu khó đòi	-	3.304	-	-	43.977	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(231.997)	-	-	-	-	-	-	(231.997)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.387)	-	-	-	-	-	-	(19.387)
Điều chỉnh do cổ phần hóa PVCFC	-	-	-	-	(286.575)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	286.575	-	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.569.836	-	-	(2.504.094)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(65.742)	-	-	-	-	-	-	(65.742)
Điều chỉnh do phân loại lại khoản đầu tư tại Petrossetco	-	-	-	-	(42.940)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	81.401	-	-	-	-	-	-	(1.223.447)
Khác	-	360	-	-	12.085	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(244.827)	-	-	-	-	-	-	(244.827)
Tại ngày cuối kỳ trước	281.500.000	14.323.546	113	(5.469.465)	55.579.859	2.563.260	21.824.024	28.984.636	607.117	39.552.550	439.465.640												

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09a-DN/HN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu (1)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày đầu kỳ này	281.500.000	12.014.866	113	(4.805.952)	67.681.828	2.584.069	23.800.447	9.245.998	607.117	38.336.468	430.964.954
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	16.077.199	-	1.062.072	17.139.271
Tăng vốn tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	156.418	156.418
Phân phối các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3.017.530	-	1.224	(3.018.754)	-	-	-
Trích các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(475.937)	-	(146.544)	(622.481)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(129.317)	-	-	-	-	-	(4.558)	(133.875)
Lợi nhuận nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(6.460.555)	-	-	(6.460.555)
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	-	(31.376)	-	-	-	(31.376)
Lãi tiền đầu Vietsov phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(1.143.305)	-	-	(1.143.305)
Điều chỉnh do phân loại lại khoản đầu tư tại PVI	-	(1.062.684)	-	-	(67.889)	-	(49.502)	1.294.638	-	(4.262.025)	(4.147.462)
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.117.597)	(1.117.597)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	23.472	-	-	(1.605)	-	(174)	(14.270)	-	(11.242)	(3.819)
Điều chỉnh ảnh hưởng theo Biên bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính	-	-	-	-	-	59	-	(503.112)	-	-	(503.053)
Khác	-	(679)	-	-	(7.757)	17	15.052	148.207	-	199.027	353.867
Tại ngày cuối kỳ này	281.500.000	10.974.975	113	(4.935.269)	70.622.107	2.584.145	23.735.671	15.150.109	607.117	34.212.019	434.450.987

(i) Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quý tìm kiếm, thăm dò dầu khí với số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 23.460.231 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 23.460.231 triệu VND). Trong thời gian chờ Chính phủ ban hành văn bản thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVN đang tạm chưa phân phối phần lợi nhuận sau thuế kể từ năm 2016 và tạm dừng trích Quý tìm kiếm, thăm dò dầu khí và Quý đầu tư phát triển từ nguồn lãi dầu, khí nước chủ nhà được để lại tại đầu tư PVN trong 6 tháng đầu năm 2017.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	<u>Đơn vị</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Triệu VND	8.600	15.091
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Triệu VND	548.037	832.986
3. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	218.394.657	197.586.047
Dinar Algeria	DZD	51.308.390	41.546.994
Euro	EUR	912.453	3.869.327
Đồng Bolivar Venezuela	VEF	1.872.197	3.285.209
Yên Nhật	JPY	3.619.498	2.298.151
Đô la Singapore	SGD	139.973	395.620
Bảng Anh	GBP	254.159	254.162
Đồng Tenge Kazakhstan	KZT	-	233
Đồng Kíp Lào	LAK	20.459.394.592	40.579.870.308
Đồng Kyat Myanmar	MMK	1.342.675	1.342.675

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B09a-DN/HN

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

	Tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí		Lọc - hóa dầu		Công nghiệp khí		Công nghiệp điện		Dịch vụ đầu khí chất lượng cao		Thương mại và phân phối		Dịch vụ tài chính		Khác		Tổng cộng		Loại trừ nội bộ		Sau loại trừ nội bộ		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Kỳ này																							
Tổng doanh thu	15.770.400	45.732.552	39.608.296	15.359.519	5.739.364	32.246.220	3.064.731	8.746.281	166.267.363	(38.843.318)	127.424.045												
Giảm trừ doanh thu (*)	-	153.235	134.290	-	-	15.592	-	-	303.117	-	-												303.117
Doanh thu thuần	15.770.400	45.579.317	39.474.006	15.359.519	5.739.364	32.230.628	3.064.731	8.746.281	165.964.246	(38.843.318)	127.120.928												
Giá vốn hàng bán	10.796.328	39.054.697	31.978.646	12.716.282	5.338.788	30.772.960	2.868.072	9.431.098	142.956.871	(39.051.896)	103.904.975												
Lợi nhuận gộp	4.974.072	6.524.620	7.495.360	2.643.237	400.576	1.457.668	196.659	(684.817)	23.007.375	208.578	23.215.953												
Kỳ trước																							
Tổng doanh thu	14.157.884	40.375.110	35.692.993	11.271.192	8.926.307	20.340.324	6.798.019	12.034.284	149.596.113	(41.111.223)	108.484.890												
Giảm trừ doanh thu (*)	-	91.899	110.000	-	-	35.137	1.923.663	44.784	2.205.483	-	2.205.483												2.205.483
Doanh thu thuần	14.157.884	40.283.211	35.582.993	11.271.192	8.926.307	20.305.187	4.874.356	11.989.500	147.390.630	(41.111.223)	106.279.407												
Giá vốn hàng bán	11.947.897	37.281.125	29.941.448	9.460.661	8.178.507	18.781.492	3.876.067	10.661.534	130.128.731	(40.577.223)	89.551.508												
Lợi nhuận gộp	2.209.987	3.002.086	5.641.545	1.810.531	747.800	1.523.695	998.289	1.327.966	17.261.899	(534.000)	16.727.899												

(*) Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>Triệu VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.902.538	3.489.040
Doanh thu khí, condensate từ Lô 04.3, 05.2, 05.3 và 06.1 (i)	3.084.521	2.562.063
Lãi tiền dầu từ Vietsovpetro	1.588.271	1.684.393
Lãi chênh lệch tỷ giá	418.755	1.647.989
Lãi từ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu	353.621	221.456
Cổ tức và lợi nhuận được chia	103.895	21.694
Doanh thu hoạt động tài chính khác	119.828	131.002
	9.571.429	9.757.637

(i) Tương tự theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được phê duyệt bởi Chính phủ tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015, doanh thu hoạt động tài chính của Tập đoàn gồm cả tiền lãi dầu, khí sau thuế được chia với tư cách nhà thầu và tiền dầu thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng đầu khí kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, chi phí liên quan của các hợp đồng này được phản ánh tương ứng trên khoản mục chi phí tài chính.

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>Triệu VND</u>
Chi phí lãi vay	2.376.295	2.443.318
Chi phí lô 04.3, 05.2, 05.3 và 06.1	1.945.520	1.925.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá	464.167	420.459
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	220	40.196
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.870	78.170
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	2.868	129.161
Chi phí tài chính khác	257.004	231.528
	5.054.944	5.268.062

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>Triệu VND</u>
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vận chuyển	645.789	625.160
Chi phí nhân viên bán hàng	525.349	478.345
Chi phí khấu hao	316.799	371.348
Chi phí quảng cáo	121.372	215.006
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.313.953	921.787
	2.923.262	2.611.646

	Kỳ này	Kỳ trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	1.373.949	1.469.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.935	465.138
Chi phí hoạt động quản lý công vụ	156.017	226.574
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	31.215	87.273
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	65.258	41.447
Phân bổ lợi thế kinh doanh	92.199	23.257
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	266.415	(222.762)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.772	664.375
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.406.750	1.244.446
	4.117.510	3.999.428

30. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	Triệu VND	Triệu VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản	149.291	43.388
Tiền được bồi thường	16.104	9.720
Hoàn nhập các khoản dự phòng bảo hành công trình, sự cố	15.089	163.829
Chuyển nhượng Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn	-	254.545
Thu nhập khác	212.839	459.990
	393.323	931.472

31. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí trong giai đoạn Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ tạm dừng hoạt động	207.138	228.266
Các khoản tiền phạt	26.511	20.432
Chuyển nhượng Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn	-	251.572
Thuế bảo vệ môi trường, thu điều tiết từ năm 2012 đến năm 2015 nộp bổ sung	-	42.409
Chi phí khác	239.808	289.939
	473.457	832.618

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>Triệu VND</u>
Thuế từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí	2.903.060	2.496.583
Thuế từ hoạt động kinh doanh khác	2.786.696	2.937.930
	<u>5.689.756</u>	<u>5.434.513</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến hoạt động khai thác dầu thô và khí của các hợp đồng phân chia sản phẩm được xác định theo điều khoản quy định trong hợp đồng và tỷ lệ thuế suất ấn định trên từng lô dầu, khí theo quy định của Bộ Tài chính.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	<u>Thăm dò và khai thác dầu khí</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Hoạt động khác</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>Triệu VND</u>
Tại ngày đầu kỳ trước	13.584.865	2.213.294	15.798.159
Phát sinh trong kỳ	(290.496)	(259.546)	(550.042)
Tại ngày cuối kỳ trước	13.294.369	1.953.748	15.248.117
Tại ngày đầu kỳ này	13.271.056	2.410.623	15.681.679
Phát sinh trong kỳ	(776.383)	(360.282)	(1.136.665)
Tại ngày cuối kỳ này	12.494.673	2.050.341	14.545.014

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	<u>Hoạt động khác</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>Triệu VND</u>
Tại ngày đầu kỳ trước	234.859	234.859
Phát sinh trong kỳ	(1.415.331)	(1.415.331)
Khác	1.485.028	1.485.028
Tại ngày cuối kỳ trước	304.556	304.556
Tại ngày đầu kỳ này	276.285	276.285
Phát sinh trong kỳ	(2.256.025)	(2.256.025)
Khác	2.231.012	2.231.012
Tại ngày cuối kỳ này	251.272	251.272

Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>Triệu VND</u>
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(2.256.025)	(1.415.331)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	1.136.665	550.042
	<u>(1.119.360)</u>	<u>(865.289)</u>

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tập đoàn có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>Triệu VND</u>
Trong vòng 1 năm	734.504	657.405
Từ 2 năm đến 5 năm	1.186.141	1.005.390
Sau 5 năm	1.106.913	1.286.532
	<u>3.027.558</u>	<u>2.949.327</u>

Cam kết mua hàng

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas - Công ty con của PVN) cam kết mua khí từ các chủ lô 06.1 và 11.2 cho đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 3,916 tỷ m³ khí.

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas - Công ty con của PVN) cam kết mua khí từ các chủ lô 05.2 và 05.3 đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 1,368 tỷ m³ khí.

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas - Công ty con của PVN) cam kết mua khí từ các chủ lô 102 và 106 đến hết giai đoạn bình ổn của các lô này với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 204 triệu m³ khí.

PVN cam kết mua khí từ các chủ lô PM3 CAA và 46 Cái Nước đến hết năm 2018 với mức bao tiêu và thanh toán cho các chủ khí một lượng khí tối thiểu (đã xác định trong hợp đồng mua bán khí - GSPA) hàng năm là khoảng 1,98 tỷ m³ khí.

Cam kết bán hàng

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas - Công ty con của PVN) cam kết bán một lượng cố định hàng năm 1,85 tỷ m³ khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho đến hết giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas - Công ty con của PVN) cam kết bán khí Nam Côn Sơn cho Nhà máy điện Phú Mỹ 3 BOT (PM3) và Công ty Mekong Energy (PM 2.2) với mức bao tiêu khí cố định hàng năm cho mỗi công ty là 0,85 tỷ m³ khí lần lượt cho đến năm 2023 và 2024.

Cam kết vốn

Nhu cầu vốn đầu tư toàn Tập đoàn trong năm 2017 khoảng 79.254 tỷ VND, trong đó vốn của Tập đoàn là 61.688 tỷ VND và vốn vay là 17.566 tỷ VND.

Tập đoàn có một số khoản cam kết góp vốn vào các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí tại Việt Nam và nước ngoài trong năm 2017 với tổng giá trị khoảng 12.903 tỷ VND.

35. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các khoản công nợ tiềm tàng và nghĩa vụ cam kết với ngân hàng và các bên được bảo lãnh khác phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường. Các khoản công nợ tiềm tàng trên không được đánh giá là trọng yếu. PVN cũng đã thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh cho một số khoản vay dài hạn của các đơn vị thành viên với số dư gốc vay phải trả tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 là 7.013.319 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7.546.650 triệu VND), trong đó bao gồm khoản vay dài hạn của PVTex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 5.024.015 triệu VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC - Công ty con của PVN) có các khoản bảo lãnh cho một số khoản vay đã quá hạn của các công ty con và công ty liên kết của PVC với số tiền là 237.855 triệu VND. PVC đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh này trên báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, PVC đã đánh giá phương án trả nợ và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay và các thỏa thuận với bên cho vay của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và quyết định hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 99.912 triệu VND. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của PVC để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho PVC khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoảng 42 tỷ VND.

Ngày 21 tháng 3 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 49/2017/QĐ-TTg quy định về việc thu dọn các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí. Theo đó, trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm khai thác dòng dầu, khí đầu tiên, tổ chức, cá nhân phải lập quỹ bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình cố định, thiết bị và phương tiện. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã lập dự phòng chi phí thu dọn mỏ một số lô dầu khí theo các quy định trong hợp đồng dầu khí. Tập đoàn đang nghiên cứu và đánh giá chi phí thu dọn cần thiết cho các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí của các lô dầu khí còn lại để có cơ sở lập dự phòng chi phí thu dọn mỏ đầy đủ.

Chi phí thăm dò tìm kiếm dầu khí tại dự án 39 Peru lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 khoảng 1.542.672 triệu VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP chưa nhận được phê duyệt chính thức từ các cơ quan chức năng về báo cáo đầu tư điều chỉnh đối với dự án nêu trên. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến các sự kiện không chắc chắn này.

PVEP đã phân bổ chi phí dự án không thành công, không hiệu quả năm 2016, ghi nhận chi phí các dự án không hiệu quả mà đã có chủ trương kết thúc, dừng, chuyển nhượng vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của PVEP với giá trị 8.694.961 triệu VND là giá trị chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ của các dự án 01/97 & 02/97 Lam Sơn và dự án 09.3 VRJ và 90% chi phí thăm dò, chi phí phát triển của các dự án M2 Myanmar, 10&11.1 Côn Sơn và Marine XI Congo. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP đang tiếp tục làm việc với các nhà thầu dầu khí, các cơ quan chức năng và các đối tác về giá trị bồi thường hợp đồng, chi phí quyết toán dự án... liên quan tới việc dừng các dự án nêu trên và sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu đáng tin cậy, phù hợp.

Hợp đồng dầu khí lô 46 Cái Nước đã hết hạn vào ngày 15 tháng 02 năm 2017 (đối với Dầu) và hợp đồng dầu khí Lô 01. 02 sẽ hết hạn vào ngày 09 tháng 9 năm 2017. PVEP đang nghiên cứu và trình các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch, phương án triển khai tiếp theo đối với các lô dầu khí này, theo đó chưa có bất kể những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến các sự kiện không chắc chắn này.

Lô 01/97 & 02/97 Lam Sơn đã được các nhà thầu dừng khai thác và bàn giao cho PVEP điều hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. PVEP và PVN đang xây dựng, hoàn thiện cơ chế hoạt động, điều hành liên quan đến hoạt động dầu khí mới tại Lô này để trình Thủ tướng xem xét, quyết định, theo đó, chưa có bất kể những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến các sự kiện không chắc chắn này.

Theo Hợp đồng thành lập và quản lý Công ty Liên doanh Petromacareo S.A. và Thỏa thuận phí tham gia lần đầu ký ngày 29 tháng 6 năm 2010, khoản phí tham gia phải trả Chính phủ Venezuela lần cuối cùng (lần 3) là 142.000.000 USD. PVEP đã xin gia hạn khoản phải Thanh toán này cho đến khi hoàn thành các hoạt động thăm định và đánh giá đầy đủ trữ lượng của Lô Junin 2.

Ngày 27 tháng 5 năm 2016, Tòa án Nhân dân Quận Hải An, thành phố Hải Phòng gửi Thông báo về việc thụ lý sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại liên quan đến tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (DVIZ - bên khởi kiện) và PVTex (bên bị kiện). Ngày 25 tháng 9 năm 2017, Tòa án Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ban hành Bản án số 23/2017/KDTM-PT, theo đó PVTex phải trả cho DVIZ với tổng số tiền 72.917 triệu VND bao gồm nợ gốc, lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng liên quan đến các hợp đồng đã ký giữa hai bên về việc cho thuê đất và cung cấp dịch vụ và tiện ích, thu gom và xử lý nước thải... Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

Ngày 05 tháng 7 năm 2016, PVTex đã nhận được thông báo của Trọng tài Quốc tế ICC Singapore (ICC) liên quan đến việc thụ lý đơn kiện của Công ty TNHH Hyundai Engineering (HEC) về việc PVTex vi phạm hợp đồng EPC khi không trả lại khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà PVTex đã rút với số tiền 9.695.749 USD. HEC yêu cầu PVTex phải hoàn trả số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và trả các chi phí và thiệt hại của HEC liên quan đến vụ kiện và tiền lãi tính trên số tiền bảo lãnh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVTex đang chuẩn bị các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp liên quan đến khoản tiền bảo lãnh nêu trên cũng như các nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

Trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã xét xử các vụ án liên quan tới một công ty liên kết và một công ty con của Tập đoàn trong giai đoạn trước năm 2014. Tập đoàn đánh giá và tin tưởng sự kiện này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như hoạt động của Tập đoàn. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến sự kiện trên.

36. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 15 tháng 01 năm 2013, Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn ("NSR") đã ký kết Thỏa thuận về Cam kết bảo lãnh của Chính phủ cho Dự án với Chính phủ Việt Nam (Bộ Công thương đại diện) và Hợp đồng bao tiêu sản phẩm nhiên liệu với PVN. Theo đó, PVN sẽ bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. NSR được áp dụng mức giá bán buôn tại cổng nhà máy là giá nhập khẩu cộng thuế nhập khẩu 7% đối với các sản phẩm lọc dầu và 3% cho các sản phẩm hóa dầu (ngoại trừ 5% cho LPG). Nếu thuế suất nhập khẩu thấp hơn thì PVN sẽ thanh toán cho Nghi Sơn số chênh lệch giữa thuế suất nhập khẩu thực tế và thuế suất 7% hay 3% nói trên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của đơn vị thành viên Tập đoàn, và Thông báo số 3130/TB-TTCP ngày 24 tháng 11 năm 2016 về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất do Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn - Công ty con) làm chủ đầu tư và Dự án Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ do Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTex - Công ty con) làm chủ đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc BSR-BF và PVTex đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các kết luận và kiến nghị của Thanh tra Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

Theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Thông báo số 234/TB-BCT ngày 10 tháng 7 năm 2017 căn cứ trên chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Thông báo số 43-TB/VPTW và kết luận của Phó Thủ tướng tại cuộc họp ngày 05 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn đang xây dựng các phương án xử lý các tồn tại liên quan tới 5 dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả, bao gồm: Dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ, Dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Dung Quất, Dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ, Dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Bình Phước và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.

Ngày 30 tháng 3 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 456/TTg-CN về cước phí vận chuyển và thu gom khí bể Cừu Long. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cước phí vận chuyển, thu gom khí (chưa bao gồm VAT) đang khai thác tại các mỏ thuộc bể Cừu Long (không bao gồm các mỏ: Bạch Hổ, Rồng Đồi Mồi) từ miệng giếng đến Giàn công nghệ trung tâm (CCP) Bạch Hổ năm 2015 và 2016 lần lượt là 2 USD/triệu BTU và 2,04 USD/triệu BTU. Đối với giai đoạn từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến hết năm 2014, cước phí vận chuyển, thu gom khí Cừu Long được xác định trên cơ sở mức cước phí của năm 2015 giảm trừ trượt giá 2%/năm. Trong Quý III và Quý IV năm 2017, PVGas và các bên đã ký kết các Bổ sung của Hợp đồng mua bán khí, qua đó thống nhất số tiền chênh lệch giữa cước phí vận chuyển, thu gom bể Cừu Long được duyệt nói trên với cước phí tạm tính cho các năm 2014, 2015 và 2016. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa bao gồm các điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện này.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, cước phí thu gom vận chuyển khí bể Cừu Long giai đoạn 2017 - 2020 đang được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Sau khi có phê duyệt chính thức của các cấp có thẩm quyền, PVGas sẽ thực hiện sửa đổi, bổ sung các hợp đồng mua bán khí liên quan và quyết toán giá trị chênh lệch giữa cước phí tạm tính và cước phí được phê duyệt.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan có cùng chủ sở hữu là Nhà nước:

- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC): PVN có giao dịch chủ yếu với SBIC về nhận bàn giao các dự án/công ty con và cho vay như được trình bày tại các Thuyết minh số 1, 8, 13 và 21.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với EVN về bán điện, bán khí và cho vay.
 - Doanh thu bán điện cho EVN trong kỳ là 15.235.830 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016: 11.197.306 triệu VND). Số dư phải thu tiền bán điện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7.012.491 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.505.594 triệu VND).

- Doanh thu bán khí cho EVN trong kỳ là 11.539.355 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016: 7.492.791 triệu VND). Số dư phải thu tiền bán khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.342.615 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.281.375 triệu VND).
- Số dư phải thu về cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 944.618 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 868.904 triệu VND).
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex): Tập đoàn có giao dịch chủ yếu với Petrolimex về bán buôn xăng, dầu. Doanh thu bán buôn xăng, dầu cho Petrolimex trong kỳ là 4.427.189 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016: 12.956.394 triệu VND). Số dư phải thu về bán buôn xăng, dầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.045.804 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.169.613 triệu VND).

Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan là các công ty liên doanh/liên kết:

- Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro: Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với Vietsovpetro:
 - Mua dầu thô để thực hiện lọc hóa dầu trong kỳ với số tiền 17.500.273 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016: 15.398.566 triệu VND).
 - Cung cấp dịch vụ sửa chữa tàu, xà lan trong kỳ với số tiền 197.350 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016: 155.303 triệu VND).
 - Cung cấp dịch vụ liên quan hoạt động giàn khoan trong kỳ với số tiền 80.640 triệu VND (6 tháng đầu năm 2016: 58.394 triệu VND).
 - Ngoài ra, các công ty con của Tập đoàn còn cung cấp một số dịch vụ như xây lắp, sửa chữa giàn khoan, cung cấp suất ăn... cho Vietsovpetro.
- Công ty Liên doanh Rusvietpetro: PVN có giao dịch chủ yếu với Rusvietpetro về cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 7. Số dư lãi cho vay phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 536.146 triệu VND (31 tháng 12 năm 2016: 401.610 triệu VND).
- Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn: PVN có giao dịch chủ yếu với Nghi Sơn về cho vay như trình bày tại Thuyết minh số 7. Số dư lãi cho vay phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 428.775 triệu VND (31 tháng 12 năm 2016: 249.568 triệu VND).

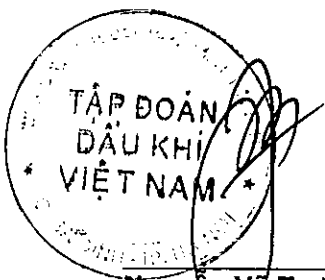
38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, Hội đồng Thành viên PVEP đã có Nghị quyết số 1084/NQ-TDKT về việc ghi nhận khoản đền bù FPSO và Quỹ thu dọn mỏ Lô 01/97 & 02/97 vào kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017. Theo đó, do chấm dứt sớm Hợp đồng dầu khí Lô 01/97 & 02/97 vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí đền bù FPSO với số tiền ước tính là 58.827.214,73 USD (tương đương 1.335.378 triệu VND) và phí thu dọn mỏ phải trả với số tiền ước tính là 21.217.636 USD (tương đương 481.640 triệu VND) được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, PVEP vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác để quyết toán khoản đền bù FPSO và Quỹ thu dọn mỏ Lô 01/97 & 02/97.

Theo Nghị quyết Chính phủ ngày 06 tháng 9 năm 2017 về việc phê duyệt phương án xử lý tài chính khi thực hiện Cổ phần hóa Công ty MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty không phải điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và phải điều chỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính trước khi Công bố giá trị doanh nghiệp. Theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn ("BSR"), vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Cổ phần hóa là 31.004.996 triệu VND, chưa bao gồm nhu cầu vốn đầu tư cho Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. BSR hoàn trả lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thực hiện góp bổ sung vốn điều lệ cho BSR sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp trong năm 2018. Trong tháng 01 năm 2018, BSR đã thực hiện đấu giá cổ phần lần đầu với số lượng cổ phần bán được là 241.556.969 cổ phần. Toàn bộ cổ phiếu của BSR bán ra công chúng trong lần đầu được chính thức giao dịch trên sàn UPCoM từ ngày 01 tháng 3 năm 2018. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, BSR đang thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

Theo Nghị quyết Chính phủ ngày 06 tháng 9 năm 2017 về việc phê duyệt phương án xử lý tài chính khi thực hiện Cổ phần hóa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Công ty không phải điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Ngày 08 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1977/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Theo đó, vốn điều lệ của PVPower tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 23.418.716 triệu VND. Ngày 31 tháng 01 năm 2018, PVPower tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) với tổng số lượng cổ phần chào bán là 468.374.320 cổ phần. Ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phần nêu trên trên thị trường UPCoM là ngày 06 tháng 3 năm 2018. Việc xử lý tài chính liên quan đến quá trình cổ phần hóa sẽ được PVPower thực hiện tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1979/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Dầu Việt Nam. Theo đó, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 10.342.295 triệu VND. Ngày 25 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) với tổng số lượng cổ phần chào bán là 200.445.036 cổ phần. Ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phần nêu trên trên thị trường UPCoM là ngày 07 tháng 3 năm 2018. Hiện tại, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Việc xử lý tài chính liên quan đến quá trình cổ phần hóa sẽ được PVOil thực hiện tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.



Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 5 năm 2018

Lương Quốc Dân
Phó trưởng ban Kế toán và
Kiểm toán thực hiện nhiệm
vụ kế toán trưởng

Nguyễn Thế Anh
Người lập biểu